

V/v: CBTT Báo cáo thường niên 2021

CÔNG BỐ THÔNG TIN TRÊN CÔNG THÔNG TIN ĐIỆN TỬ

- Kính gửi:**
- Ủy ban Chứng khoán Nhà nước
 - Sở Giao dịch Chứng khoán Việt Nam
 - Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội
 - Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh

1. Tên tổ chức: CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN KS

- Mã thành viên: 047
- Địa chỉ: Tầng 1 và tầng 6, Tòa nhà Sunshine Center, 16 Phạm Hùng, Phường Mỹ Đình 2, Quận Nam Từ Liêm, Thành phố Hà Nội.
- Điện thoại: 024.3686 9999 Fax: 024.3205 2969
- Email: cbtt@kss.com.vn Website: kss.com.vn
- Người thực hiện công bố thông tin: Bà Nguyễn Vân Khánh

Chức vụ: CVCC Pháp chế.

Loại thông tin công bố: định kỳ bất thường 24h theo yêu cầu

Nội dung thông tin công bố

Công ty cổ phần Chứng khoán KS (KSS) công bố thông tin Báo cáo thường niên năm 2021.

Thông tin này đã được công bố trên trang thông tin điện tử của công ty vào ngày 30/03/2022 tại đường dẫn: <https://kss.com.vn/cong-bo-thong-tin/>

Chúng tôi xin cam kết các thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung các thông tin đã công bố.

Tài liệu đính kèm:

- BCTN năm 2021.

Đại diện tổ chức**Người được ủy quyền công bố thông tin****Nguyễn Vân Khánh**



KSSecurities



CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN KS



**BÁO CÁO
THƯỜNG NIÊN**

2021

Mục lục

1. TỔNG QUAN KS SECURITIES	4
1.1. Thông tin doanh nghiệp	4
1.2. Quá trình hình thành và phát triển	4
2. CƠ CẤU CÔNG TY VÀ ĐỘI NGŨ LÃNH ĐẠO	5
2.1. Cơ cấu công ty	5
2.2. Đội ngũ lãnh đạo	7
3. TÂM NHÌN - SỨ MỆNH - GIÁ TRỊ CỐT LÕI	8
3.1. Tâm nhìn	8
3.2. Sứ mệnh	8
3.3. Giá trị cốt lõi	8
4. RỦI RO VÀ QUẢN TRỊ RỦI RO	9
4.1. Nguyên tắc quản trị rủi ro	9
4.2. Các rủi ro chủ yếu trong hoạt động kinh doanh của KSS	10
5. NHỮNG DẤU ẤN TRONG NĂM 2021	12
6. BÁO CÁO HOẠT ĐỘNG NĂM 2021	12
6.1. Kết quả hoạt động kinh doanh	12
6.2. Công nghệ là nền tảng mang đến trải nghiệm tốt nhất dành cho khách hàng	13
6.3. Tập trung xây dựng chính sách nhân sự và chế độ đãi ngộ	13
6.4. Văn hóa doanh nghiệp	15
7. CHIẾN LƯỢC PHÁT TRIỂN	15
7.1. Liên tục nâng cấp công nghệ để gia tăng trải nghiệm khách hàng	15
7.2. “Con người là nhân tố cốt lõi của Tổ chức”	15
7.3. Chủ động xây dựng văn hóa doanh nghiệp	16
8. TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH NĂM 2021	16
8.1. Tình hình tài chính	16
8.2. Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu	16
9. BÁO CÁO ĐÁNH GIÁ CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC	17



10. ĐÁNH GIÁ CỦA HĐQT VỀ HOẠT ĐỘNG CỦA KSS	18
10.1. Bối cảnh chung	18
10.2. Đánh giá của HĐQT về các mặt hoạt động của KSS, trong đó có đánh giá liên quan đến trách nhiệm môi trường và xã hội.....	19
10.3. Đánh giá của HĐQT về hoạt động của Ban Tổng Giám đốc.....	21
10.4. Các kế hoạch, định hướng của HĐQT	22
11. QUẢN TRỊ CÔNG TY	22
11.1. Thành viên và Cơ cấu HĐQT năm 2021:	22
11.2. Hoạt động của HĐQT:.....	23
11.3. Thành viên Ban Kiểm soát:	25
11.4. Hoạt động của Ban Kiểm soát:.....	25
11.5. Giao dịch cổ phiếu của người nội bộ:.....	26
11.6. Hợp đồng hoặc giao dịch với người nội bộ:.....	26
11.7. Đánh giá việc thực hiện các quy định về quản trị công ty:	27
12. BÁO CÁO TÀI CHÍNH	28
12.1. Ý kiến kiểm toán.....	28
12.2. Báo cáo tài chính được kiểm toán.....	30



1. TỔNG QUAN KS SECURITIES

1.1. Thông tin doanh nghiệp

Công ty cổ phần Chứng khoán KS (“**KSS**”), tên tiếng Anh: KS Securities JSC, được thành lập theo Giấy phép thành lập và hoạt động kinh doanh chứng khoán số 42/UBCK-GPHĐKD do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp ngày 28/12/2006 và có trụ sở chính tại Tầng 1 và 6, Tòa nhà Sunshine Center, 16 Phạm Hùng, Phường Mỹ Đình 2, Quận Nam Từ Liêm, Hà Nội.

Tên doanh nghiệp	Công ty cổ phần Chứng khoán KS
Tên tiếng Anh	KS Securities JSC
Đại diện theo pháp luật	Ông Nguyễn Nam Hưng – Chủ tịch Hội đồng Quản trị (“ HĐQT ”)
Ngày thành lập	28/12/2006
Số vốn điều lệ	1.000.373.030.000 VNĐ
Trụ sở chính	Tầng 1 và tầng 6, Tòa nhà Sunshine Center, 16 Phạm Hùng, Phường Mỹ Đình 2, Quận Nam Từ Liêm, Hà Nội
Website	https://www.kss.com.vn
Điện thoại	+84 24 3686 9999

KSS được cấp phép thực hiện đầy đủ bốn nghiệp vụ kinh doanh chứng khoán bao gồm:

- ✿ Môi giới chứng khoán;
- ✿ Tự doanh chứng khoán;
- ✿ Bảo lãnh phát hành chứng khoán; và
- ✿ Tư vấn đầu tư chứng khoán.

Địa bàn kinh doanh chủ yếu: Thành phố Hà Nội, Thành phố Hồ Chí Minh và thông qua phương thức giao dịch điện tử.

1.2. Quá trình hình thành và phát triển

- ✿ Ngày 11/3/2021: Đổi tên thành Công ty cổ phần Chứng khoán KS; thay đổi người đại diện theo pháp luật là Chủ tịch HĐQT Trần Thị Thu Hằng;
- ✿ Ngày 15/7/2021: Tăng vốn điều lệ lên 1.000.373.030.000 đồng; thay đổi người đại diện theo pháp luật là Chủ tịch HĐQT Nguyễn Thị Hồng Hạnh; bổ sung nghiệp vụ, gồm: Tự doanh chứng khoán, bảo lãnh phát hành chứng khoán, Tư vấn đầu tư chứng khoán (ngoài nghiệp vụ Môi giới chứng khoán đã có sẵn);
- ✿ Ngày 13/1/2022: Chính thức chuyển trụ sở đến Tầng 1 và 6, Tòa nhà Sunshine Center, 16 Phạm Hùng, phường Mỹ Đình 2, quận Nam Từ Liêm, Hà Nội;
- ✿ Ngày 19/1/2022: Mở 03 văn phòng đại diện KSS tại các tỉnh Phú Thọ, Thái Nguyên và Vĩnh Phúc;



- ✿ Ngày 28/1/2022: Thay đổi người đại diện theo pháp luật là Chủ tịch HĐQT Nguyễn Nam Hưng.

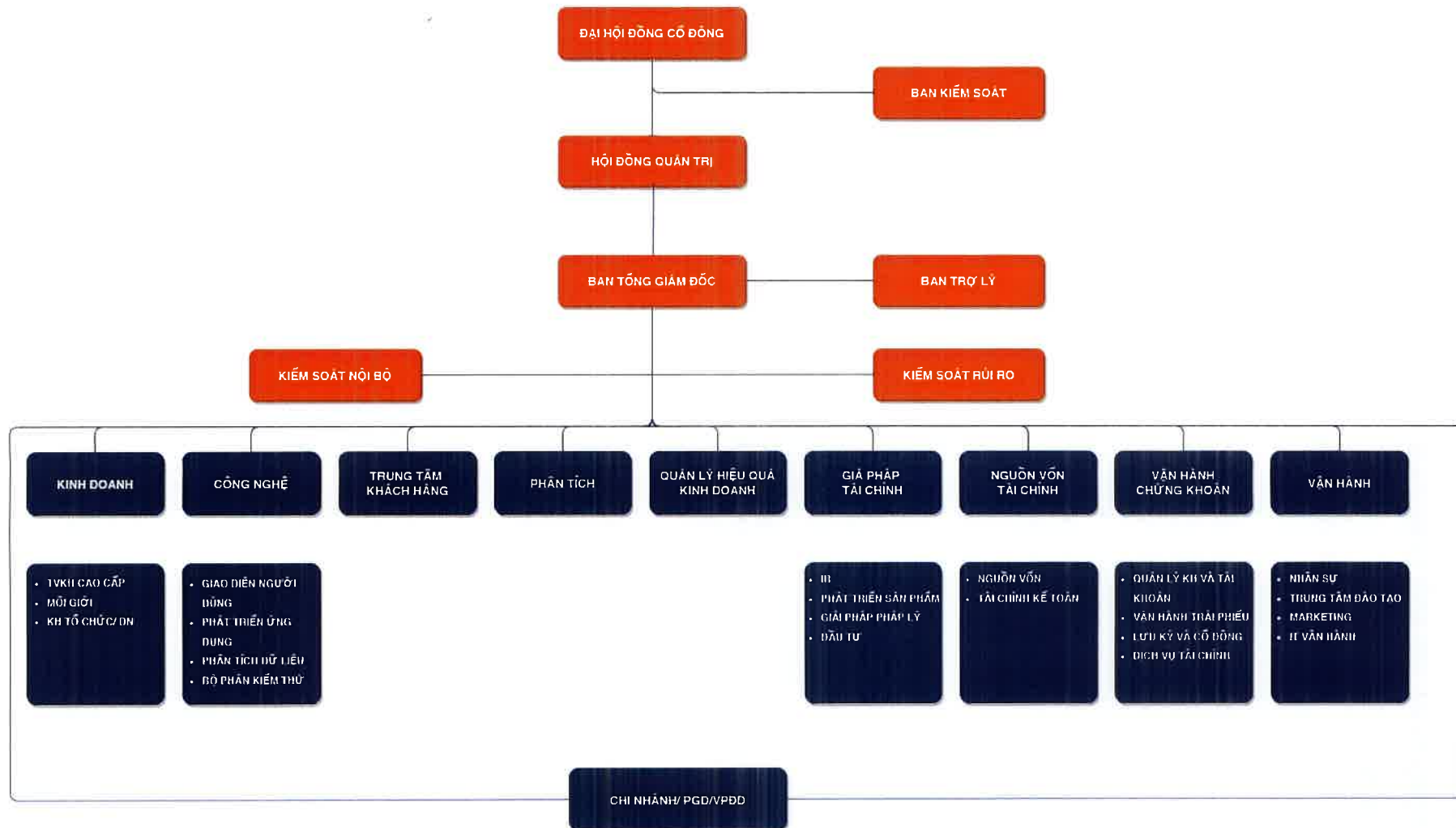
2. CƠ CẤU CÔNG TY VÀ ĐỘI NGŨ LÃNH ĐẠO

2.1. Cơ cấu công ty

[Xem tiếp trang sau]



Chúng tôi có một kết cấu tổ chức chặt chẽ và đầy đủ các bộ phận phục vụ kinh doanh và vận hành nghiệp vụ của một công ty chứng khoán.



2.2. Đội ngũ lãnh đạo

HỌ VÀ TÊN	CHỨC VỤ	CHUYÊN MÔN VÀ QUÁ TRÌNH CÔNG TÁC
(Ông) Nguyễn Nam Hưng	Chủ tịch HĐQT	<p>Cử nhân Luật, Đại học Luật Hà Nội; Tham gia Chương trình Thạc sĩ Luật tại Đại học California, Berkeley.</p> <p>Ông Hưng có hơn 16 năm kinh nghiệm tư vấn pháp lý và quản lý trong lĩnh vực tài chính, ngân hàng và chứng khoán. Các tổ chức mà ông Hưng tư vấn/cộng tác là các tổ chức lớn trong nước ngoài (trong đó có các ngân hàng thương mại hàng đầu của Việt Nam) và nước ngoài (trong đó có các ngân hàng đầu tư và các quỹ đầu tư uy tín của thế giới). Ông từng là Giám đốc Pháp chế & Quản lý tuân thủ tại Công ty cổ phần Chứng khoán Kỹ thương và Cố vấn cao cấp (Senior counsel) tại Công ty TNHH Luật YKVN.</p> <p>Tháng 04/2021, ông Hưng được Chủ tịch HDDQT bổ nhiệm làm Giám đốc Điều hành. Đến tháng 01/2022, ông Hưng được bổ nhiệm và HĐQT và được bầu làm Chủ tịch HĐQT.</p>
(Bà) Đỗ Thị Thủy Giang	Tổng Giám đốc	<p>Cử nhân Kinh tế - Học viện Tài chính, Cử nhân ngôn ngữ Anh - ĐHNH - ĐHQGHN, Năm 2 MBA CFVG, Chứng chỉ hành nghề Quản lý quỹ, Chứng chỉ hành nghề Phân tích tài chính, Hoàn thành level 2 CFA.</p> <p>Bà Giang có 14 năm trong lĩnh vực tài chính chứng khoán tại các tổ chức tài chính lớn. Trước khi công tác tại KS Securities, bà từng giữ vị trí như Giám đốc Trung tâm Tư vấn và Phát triển sản phẩm tại EVNFINANCE; Phó Giám đốc Đầu tư tại Công ty cổ phần Quản lý tài sản Thái Bình Dương.</p>
(Bà) Nguyễn Thị Thu Hà	Phó Tổng Giám đốc	<p>Cử nhân Kế toán, Đại học Kinh tế Quốc dân.</p> <p>Bà Hà có gần 20 năm làm việc trong lĩnh vực tài chính tại các tổ chức tài chính lớn. Bà từng giữ vị trí như Giám đốc Khối Tài chính - Kế toán, Phó Phòng Nguồn vốn và kinh doanh Trái phiếu kiêm Phụ trách tài chính quản trị của Công ty cổ phần Chứng khoán VPS; Nhiều vị trí cấp cao tại Công ty Tài chính cổ phần Hóa chất VN; Phụ trách phòng Kế hoạch - Nguồn vốn kiêm Trưởng phòng Kế toán Tài chính của Công ty cổ phần Chứng khoán SME.</p>



(Bà) Vũ Hiền Thảo	Kế toán trưởng	<p>Cử nhân chuyên ngành Ngân hàng, Đại học Kinh tế Quốc dân; Thạc sĩ chuyên ngành Quản trị kinh doanh, Đại học Kinh tế Quốc dân liên kết Trung tâm Pháp - Việt đào tạo về Quản lý; Thạc sĩ chuyên ngành Kiểm toán, Đại học Paris Dauphine (Paris IX).</p> <p>Bà Thảo có hơn 20 năm kinh nghiệm trong lĩnh vực tài chính. Bà từng đảm nhận vị trí Giám đốc phòng Quản lý danh mục tín dụng, Giám đốc phòng Phân tích Tài chính, Giám đốc phòng Quản lý rủi ro Thị trường tại Ngân hàng TMCP Quốc tế Việt Nam (VIB); Kế toán trưởng tại Ngân hàng CIMB Việt Nam; và các vị trí quản lý khác tại Mizuho Corporate Bank Ltd. - CN Hà Nội, Công ty Mazars & Guérard Việt Nam.</p>
--------------------------	-----------------------	--

3. TẦM NHÌN - SỨ MỆNH - GIÁ TRỊ CỐT LÕI

3.1. Tầm nhìn

KSS là công ty chứng khoán nằm trong Hệ sinh thái Tài chính – Ngân hàng – Bất động sản.

Trong vai trò này, KSS sẽ cung cấp giải pháp quản lý sản nghiệp toàn diện, cá nhân hóa cho từng khách hàng của mình và Hệ sinh thái trên nền tảng công nghệ hiện đại. KSS cũng hướng tới mô hình đầu tư cho mỗi gia đình - tế bào của xã hội - và tạo dựng các sản phẩm đầu tư tích sản với kế hoạch dài hạn.

3.2. Sứ mệnh

KSS luôn nỗ lực hết mình để thấu hiểu nhu cầu của từng khách hàng và từ đó, hành động để đem đến giá trị lớn nhất cho khách hàng – đó là sự hài lòng với việc được đáp ứng tất cả các nhu cầu đó. Việc thấu hiểu và tận tâm phục vụ khách hàng là kim chỉ nam cho tổ chức, vận hành và phục vụ của KSS.

3.3. Giá trị cốt lõi

- ❖ **Khách hàng là trọng tâm:** Mục tiêu của KSS là luôn nỗ lực để thấu hiểu nhu cầu của từng khách hàng và đồng hành cùng khách hàng để đáp ứng được tất cả các nhu cầu đó.
- ❖ **Sáng tạo và đổi mới:** KSS không ngừng đem đến những giải pháp công nghệ sáng tạo cùng công cụ tiện ích để hỗ trợ khách hàng tối đa trong việc thực hiện các kế hoạch đầu tư.
- ❖ **Đáp ứng toàn diện:** KSS tin rằng mọi nhu cầu về tài chính và đầu tư của mỗi khách hàng đều sẽ được đáp ứng bởi bộ giải pháp quản lý sản nghiệp toàn diện tại KSS.



- ❖ **Tận tâm và minh bạch:** Với tinh thần làm việc trung thực và tận tâm, KSS cam kết luôn tuân thủ các quy tắc đạo đức nghề nghiệp và mang đến cho khách hàng những sản phẩm, dịch vụ uy tín và phù hợp nhất.

4. RỦI RO VÀ QUẢN TRỊ RỦI RO

4.1. Nguyên tắc quản trị rủi ro

Hoạt động quản trị rủi ro được thực hiện thông suốt, phân tầng nhiệm vụ từ trên xuống dưới. Trong đó, HĐQT có nhiệm vụ định hướng hoạt động, xây dựng văn hóa quản trị rủi ro của KSS, phê duyệt các chính sách và chiến lược quản lý rủi ro, khẩu vị rủi ro, giao quyền cho Ban Tổng Giám đốc và giám sát việc triển khai các chính sách, chiến lược quản lý rủi ro ... trên các nguyên tắc cụ thể sau:

(a) Nguyên tắc tuân thủ

Quản trị rủi ro phải dựa trên nguyên tắc tuân thủ các quy định pháp luật, phù hợp với thông lệ ngành.

(b) Nguyên tắc minh bạch, khách quan

(i) Quản trị rủi ro phải dựa trên những thông tin hiện hữu đáng tin cậy. Các yếu tố đầu vào của quá trình quản lý rủi ro phải dựa trên nhiều nguồn thông tin đáng tin cậy về số lượng và chất lượng;

(ii) Các nguyên tắc quản lý rủi ro được đưa vào từng quy trình/quy định và hoạt động nhằm mục đích quản lý rủi ro hiệu quả và nâng cao nhận thức về quản lý rủi ro. Việc nâng cao nhận thức về quản lý rủi ro sẽ thực hiện thông qua cơ chế trao đổi thông tin giữa các cấp, các bộ phận có liên quan. Các đơn vị sẽ được thông báo, phổ biến và đào tạo tuyên truyền về quản lý rủi ro, hệ thống kiểm soát nội bộ của KSS để hiểu rõ, nhận thức thống nhất và đầy đủ về chính sách, quy trình, mục tiêu kinh doanh, thực hiện tốt chức trách, nhiệm vụ, quyền hạn của mình.

(c) Nguyên tắc quản trị hiệu quả

(i) Quản trị rủi ro phải gắn liền với mục tiêu và chiến lược của KSS, là một phần quan trọng của việc ban hành bất kỳ quyết định nào liên quan đến hoạt động của KSS;

(ii) KSS đảm bảo cân bằng giữa lợi ích và rủi ro trong tất cả các hoạt động. KSS chấp nhận rủi ro khi lợi ích lớn hơn chi phí (bao gồm lợi ích tiềm ẩn và chi phí tiềm ẩn) nhằm tối ưu hóa lợi ích của cổ đông. KSS chỉ chấp nhận các hoạt động kinh doanh khi có những cơ sở để Cấp có thẩm quyền phê duyệt chứng minh rằng tổng các lợi ích KSS thu được sẽ lớn hơn tổng các chi phí bỏ ra.

(d) Nguyên tắc phân định trách nhiệm

(i) Công tác Quản trị rủi ro là trách nhiệm của HĐQT, Ban Tổng Giám đốc và toàn bộ Khối/Phòng/Ban/Chi nhánh/Văn phòng đại diện cũng như mỗi cán bộ, nhân viên tại KSS;



- (ii) Đảm bảo cơ cấu tổ chức được thực hiện trên cơ sở phân vai độc lập và khách quan: phân luồng rõ rệt giữa kinh doanh, quản lý rủi ro và vận hành.
 - (iii) Hệ thống phân cấp thẩm quyền rõ ràng từ Đại hội đồng cổ đông (“ĐHĐCĐ”) xuống HĐQT/Ban Tổng Giám đốc/các đơn vị theo quy định của KSS từng thời kỳ. Tại một vị trí chức danh/đơn vị không được thực hiện đồng thời các vai trò đề xuất chính sách và phê duyệt chính sách. Trường hợp cá nhân ký tờ trình/đề xuất với vai trò lãnh đạo đơn vị và trường hợp cá nhân đó tham gia hội đồng phê duyệt cho ý kiến với vai trò thành viên của hội đồng thì được hiểu không trùng đồng thời các vai trò nêu trên;
 - (iv) Việc kiểm soát trong quá trình vận hành hoạt động phải đảm bảo được thực hiện kiểm soát tối thiểu hai cấp: cấp thực hiện và cấp kiểm soát.
- (e) Nguyên tắc quản trị rủi ro tiên tiến
- (i) Hoạt động quản lý rủi ro của KSS thường xuyên cập nhật các xu hướng phát triển, thông lệ quốc tế về ngành, không ngừng tích lũy và nâng cao năng lực học hỏi, đảm bảo phù hợp với chiến lược, cơ cấu tổ chức, quy mô của KSS cũng như những thay đổi của môi trường bên ngoài từng thời kỳ;
 - (ii) Các chính sách và quy trình quản trị rủi ro được thực hiện liên tục, thường xuyên cập nhật, điều chỉnh, bổ sung phù hợp với phạm vi, quy mô hoạt động, điều kiện của KSS và bối cảnh thị trường.

4.2. Các rủi ro chủ yếu trong hoạt động kinh doanh của KSS

(a) Rủi ro pháp lý:

Rủi ro pháp lý là rủi ro xảy ra khi vì lý do chủ quan hay khách quan dẫn đến KSS không tuân thủ các quy định của pháp luật và bị áp dụng các chế tài xử lý của các cơ quan có thẩm quyền. Trong năm 2021, một loạt các quy định pháp luật mới như Luật Doanh nghiệp, Luật Chứng khoán và các quy định liên quan khác đã có hiệu lực, việc này ảnh hưởng tới hoạt động kinh doanh cũng như tới công tác quản trị rủi ro của công ty. Nhằm hạn chế rủi ro này, KSS cũng đã ban hành các quy trình nghiệp vụ quản trị rủi ro, kiểm soát nội bộ, các quy định, quy trình nghiệp vụ cụ thể cho từng phòng ban nghiệp vụ và thực hiện phổ biến đến từng cán bộ nhân viên trong KSS trong đó:

- (i) Bộ phận Pháp chế chủ động và thường xuyên cập nhật thông tin về nội dung sửa đổi, bổ sung hoặc ban hành mới các quy định pháp luật có liên quan đến hoạt động của KSS; Nghiên cứu văn bản mới ban hành, đánh giá tác động của quy định mới và đưa ra các yêu cầu điều chỉnh hoặc chủ động đề xuất kế hoạch triển khai và thay đổi khi cần thiết; và
- (ii) Bộ phận Pháp chế rà soát, kiểm tra tính pháp lý của các văn bản ký kết với khách hàng để đảm bảo tuân thủ quy định của pháp luật, trường hợp phát hiện những yếu tố rủi ro pháp lý tiềm ẩn để điều chỉnh kịp thời.

(b) Rủi ro thị trường:



Trong lĩnh vực kinh doanh đặc thù, KSS có thể phải chịu những biến động của thị trường như tâm lý nhà đầu tư, giá cả,... dẫn đến hoạt động kinh doanh gặp bất lợi. Doanh thu các hoạt động đầu tư trái phiếu, cổ phiếu, cho vay chịu ảnh hưởng tiêu cực từ biến động của nền kinh tế thế giới như chiến tranh kinh tế giữa Mỹ - Trung, ảnh hưởng của đại dịch Covid-19, thay đổi trong chính sách kinh tế của nhà nước,... cho đến biến động về lãi suất, lạm phát, các chính sách của Ngân hàng nhà nước. Để kiểm soát và hạn chế các rủi ro này, KSS thực thi một số biện pháp trong năm như:

- (i) Xây dựng chính sách kinh doanh chi tiết từng thời kỳ, chủ động theo dõi, đánh giá, nhận định, dự báo thị trường, hệ thống hạn mức, cảnh báo và quy trình xử lý rủi ro;
- (ii) Phân công nhiệm vụ cho từng phòng ban trong việc theo dõi các chỉ số cảnh báo nhằm phát hiện và xử lý các trường hợp bất lợi; và
- (iii) Phòng Nguồn vốn kết hợp với phòng Quản trị rủi ro kiểm soát tình hình biến động, đảm bảo khả năng cung ứng dịch vụ.

(c) Rủi ro thanh khoản:

Rủi ro thanh khoản xảy ra khi KSS không thể thanh toán các nghĩa vụ tài chính đến hạn hoặc không thể chuyển đổi các công cụ tài chính thành tiền mặt với giá trị hợp lý trong ngắn hạn. Rủi ro này có thể xuất phát từ/chịu ảnh hưởng bởi công tác quản lý dòng tiền, kết quả hoạt động kinh doanh không thuận lợi, sự cố, sai sót của bên thứ ba, hoặc do tác động của các yếu tố bên ngoài và thị trường. KSS phải bảo đảm vận hành hoạt động thanh khoản cho nhà đầu tư một cách nhanh chóng, an toàn và tiết kiệm chi phí nhất... trong điều kiện số lượng nhà đầu tư tham gia giao dịch ngày càng tăng, thị trường sôi động trong năm 2021 bằng các giải pháp:

- (i) Xây dựng và triển khai bộ tiêu chí phát hiện và cảnh báo rủi ro trong hoạt động kinh doanh, đầu tư của KSS;
- (ii) Xây dựng hệ thống báo cáo, cảnh báo để theo dõi, báo cáo và kịp thời xử lý nguy cơ phát sinh các tình huống bất lợi, đảm bảo khả năng thanh khoản của KSS; và
- (iii) Các hoạt động đầu tư kinh doanh nguồn vốn được đẩy mạnh, sự linh hoạt cao độ trong việc cân đối dòng tiền hàng ngày, giải ngân kịp thời và sử dụng hiệu quả dòng tiền. Trong năm, KSS quản lý tốt rủi ro thanh khoản, không phát sinh bất kỳ sự cố rủi ro nào.

(d) Rủi ro thanh toán:

Rủi ro thanh toán là rủi ro khi một/một số khách hàng hoặc đối tác không thể thanh toán đầy đủ/ đúng hạn hoặc không thể chuyển giao tài sản đầy đủ/ đúng hạn như cam kết. KSS áp dụng một số biện pháp để hạn chế ảnh hưởng của rủi ro thanh toán đến hoạt động kinh doanh như sau:



- (i) Xây dựng hệ thống tiêu chí phát hiện và cảnh báo giao dịch bất thường, các giao dịch có dấu hiệu thao túng, làm giá chứng khoán tại KSS;
 - (ii) Quy định cách thức xác định cổ phiếu được giao dịch ký quỹ và thực hiện rà soát thường xuyên danh mục cổ phiếu này nhằm đảm bảo khả năng xử lý khi cần thiết;
 - (iii) Xây dựng hệ thống các tiêu chí đánh giá và thẩm định danh mục chứng khoán cho vay;
 - (iv) Xây dựng hệ thống báo cáo, cảnh báo để theo dõi, báo cáo và kịp thời xử lý trong trường hợp có tình huống bất lợi. Áp dụng hạn mức giao dịch đối với khách hàng, thẩm quyền đề xuất và phê duyệt hạn mức cung ứng;
 - (v) Triển khai và nâng cao năng lực đáp ứng của công nghệ trong giám sát và thực hiện giao dịch;
- (e) Rủi ro hoạt động:

Rủi ro hoạt động là rủi ro phát sinh trong quá trình hoạt động của KSS do các quy trình nội bộ quy định không đầy đủ hoặc có sai sót, do yếu tố con người, do các lỗi, sự cố của hệ thống hoặc do các yếu tố bên ngoài làm tổn thất về tài chính, hoặc phi tài chính cho KSS. Rủi ro này tại KSS được phát hiện, kiểm soát bằng các biện pháp:

- (i) Nâng cao năng lực soạn thảo của các bộ phận chuyên môn, đảm bảo tính chặt chẽ, tuân thủ pháp luật và đảm bảo hiệu lực của các văn bản nội bộ;
- (ii) Xây dựng và hoàn thiện hệ thống kiểm soát và quản trị rủi ro cho từng nghiệp vụ trên cơ sở đánh giá rủi ro và chiến lược ứng phó;
- (iii) Triển khai áp dụng các công cụ kiểm soát tự động; và
- (iv) Chú trọng đào tạo nguồn nhân lực có trình độ, đảm bảo đúng quy trình, quy định khi tác nghiệp.

5. NHỮNG DẤU ÁN TRONG NĂM 2021

- ✦ Tăng vốn điều lệ lên 1.000.373.030.000 đồng;
- ✦ Chuyển trụ sở đến Tầng 1 và 6, Tòa nhà Sunshine Center, 16 Phạm Hùng, phường Mỹ Đình 2, quận Nam Từ Liêm, Hà Nội;
- ✦ Đạt lợi nhuận sau thuế trên 270 tỷ đồng.

6. BÁO CÁO HOẠT ĐỘNG NĂM 2021

6.1. Kết quả hoạt động kinh doanh

Trong năm 2021, KSS đã thực hiện tăng vốn điều lệ từ 110,53 tỉ đồng lên 1.000,37 tỉ đồng. Sau đợt tăng vốn này, KSS được cấp phép bổ sung thêm 03 nghiệp vụ kinh doanh bên cạnh môi giới chứng khoán là tự doanh chứng khoán, bảo lãnh phát hành chứng khoán và tư vấn đầu tư chứng khoán. Cùng với dịch vụ giao dịch trực tuyến đã được chấp thuận trước đó, trong năm 2021, KSS đã được Ủy ban Chứng khoán Nhà nước ban hành quyết định chấp thuận cung cấp dịch vụ cho vay giao dịch ký quỹ và ứng trước tiền bán



chứng khoán. Nhờ việc tăng nguồn vốn chủ sở hữu và được bổ sung các nghiệp vụ kinh doanh như trên, KSS đã có đủ cơ sở để mở rộng quy mô và đẩy mạnh hoạt động đối với cả 04 nghiệp vụ kinh doanh và đã đạt được những hiệu quả nhất định. Cụ thể, nhờ việc đẩy mạnh hoạt động môi giới chứng khoán, hoạt động tự doanh và các dịch vụ liên quan nghiệp vụ ngân hàng đầu tư, doanh thu hoạt động năm 2021 của KSS đạt 604,98 tỉ đồng tăng mạnh so với năm 2020, tương đương tăng 7.097%

Việc bổ sung thực hiện các nghiệp vụ kinh doanh mới dẫn đến chi phí hoạt động và chi phí quản lý của KSS trong năm tăng so với năm 2020. Cụ thể, tổng chi phí hoạt động và chi phí quản lý năm 2021 là 267,58 tỉ đồng, tăng 257,52 tỉ đồng so với năm 2020, tương đương tăng 2.558%.

Như vậy, nhờ việc đẩy mạnh hoạt động kinh doanh tại các mảng nghiệp vụ mới đồng thời thực hiện các biện pháp quản lý chi phí để tối ưu hóa lợi nhuận nên theo số liệu trên Báo cáo tài chính năm 2021, KSS có LNST đạt 275,53 tỉ đồng trong năm 2021, tăng 277,22 tỉ đồng so với năm 2020.

6.2. Công nghệ là nền tảng mang đến trải nghiệm tốt nhất dành cho khách hàng

Trong năm 2021, KSS tiến hành đồng thời tái cấu trúc hạ tầng và hệ thống công nghệ và nâng cấp hệ thống core giao dịch chứng khoán. KSS đã đưa vào áp dụng hệ thống nhận biết khách hàng không cần tiếp xúc trực tiếp (eKYC), xây dựng và cho ra mắt các ứng dụng quản lý giao dịch và tài sản cho khách hàng (myKSS và myKSS Plus) và các hệ thống khác hỗ trợ hoạt động kinh doanh và giao dịch của khách hàng.

Bên cạnh đó, KSS còn tập trung tối ưu hóa hạ tầng tài nguyên máy chủ, mạng lưới và bảo mật cho các hệ thống quan trọng của KSS. KSS đã triển khai bộ công cụ Office365 kết hợp với giải pháp bảo mật dữ liệu danh tiếng của Microsoft (Enterprise Mobility + Security – EMS) cho người dùng của KSS để tiến tới xây dựng môi trường làm việc agile, đáp ứng chiến lược kinh doanh của KSS cũng như đảm bảo an toàn và bảo mật về dữ liệu. KSS cũng tiến hành nâng cấp hạ tầng phần cứng, trong đó có trung tâm dữ liệu (Data Center) và hệ thống quản lý chữ ký số HSM.

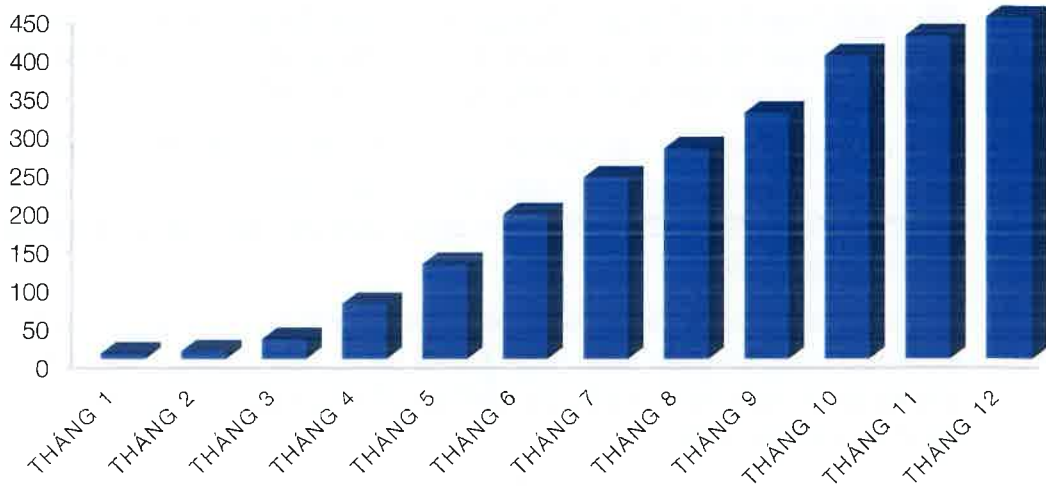
6.3. Tập trung xây dựng chính sách nhân sự và chế độ đãi ngộ

Ngoài những thành tựu đạt được trong kinh doanh và phát triển sản phẩm lõi, năm 2021 còn là năm KSS thu hút được một lượng lớn nhân sự có chuyên môn cao vào làm việc tại KSS.

[Xem tiếp trang sau]



THỐNG KÊ NHÂN SỰ 2021



Chỉ trong vòng một năm, tổng số lượng CBNV đã tăng trưởng lên đến hơn 400 CBNV; với độ tuổi trung bình từ 30 đến 40 tuổi) thuộc các khối kinh doanh và khối nghiệp vụ.

THEO ĐỘ TUỔI



Cùng với sự phát triển nhanh chóng về số lượng, KSS còn tập trung xây dựng và hoàn thiện hệ thống Chính sách lương, thưởng, phúc lợi,... cạnh tranh so với thị trường lao động nói chung và các tổ chức tài chính nói riêng.

Bên cạnh đó, KSS còn chú trọng việc tổ chức các hoạt động đào tạo, văn hóa, gắn kết CBNV, chia sẻ định hướng phát triển của KSS, cũng như xây dựng cầu nối vững chắc giữa CBQL và CBNV trên tinh thần thấu hiểu, tôn trọng và cùng nhau phát triển:

- (a) Tổ chức các hoạt động gắn kết CBNV, xây dựng văn hóa KSS: Happy Hours, Year End Party, Teambuilding;
- (b) Tổ chức hội thảo Cán bộ lãnh đạo: Xây dựng Tầm nhìn - Sứ mệnh - Giá trị cốt lõi;
- (c) Tổ chức chương trình KSS Talk định kỳ: chia sẻ kiến thức kinh nghiệm về các lĩnh vực; và



- (d) Tổ chức chương trình đào tạo tân tuyển cho CBNV mới.

6.4. Văn hóa doanh nghiệp

- (a) Mục tiêu hoàn thiện và ban hành Văn hóa tại KSS, các CBNV coi KSS như là ngôi nhà thứ hai của mình, với tên gọi yêu thương “Nhà là nơi để về, KSS là nơi để đến” để mỗi người đều “cảm nhận thoải mái trong lòng, cảm thấy thân thương khi nhắc về KSS”; và
- (b) Tăng cường công tác đào tạo và truyền thông nội bộ, từng bước ứng dụng công nghệ và số hóa các nội dung nhằm gắn kết và phát triển năng lực của đội ngũ: đa dạng chương trình, nội dung và phương thức đào tạo: văn hóa, nghiệp vụ, kỹ năng quản lý, kỹ năng bán hàng và chăm sóc khách hàng.

7. CHIẾN LƯỢC PHÁT TRIỂN

Tử tế - Tận tâm – Thấu hiểu được xem là kim chỉ nam cho hoạt động của KSS, chính vì thế, KSS luôn muốn hướng đến mục tiêu đem đến cho khách hàng những trải nghiệm tốt nhất:

- ❖ Xây dựng hệ sinh thái sản phẩm tài chính đa dạng, giao diện trực quan, phù hợp với nhiều đối tượng khách hàng và các nhu cầu khác nhau;
- ❖ Trải nghiệm dịch vụ đồng nhất, nhanh chóng, đơn giản và bảo mật; và
- ❖ Lắng nghe, thấu hiểu khách hàng và không ngừng cải tiến, nâng cấp hệ sinh thái dịch vụ và sản phẩm.

7.1. Liên tục nâng cấp công nghệ để gia tăng trải nghiệm khách hàng

Tiếp tục mục tiêu tối ưu hoá và đem lại trải nghiệm an toàn, bảo mật và đồng nhất dành cho khách hàng, bên cạnh chiến lược xây dựng và triển khai các dịch vụ hạ tầng với công nghệ hiện đại, kết hợp giữa truyền thống trên nền tảng On-premises và các dịch vụ điện toán đám mây. KSS còn tập trung triển khai dự án xây dựng hạ tầng cho Trung tâm dữ liệu mới của KSS đặt tại Hà Nội để đáp ứng nhu cầu tăng trưởng, phát triển các ứng dụng và sản phẩm chiến lược của KSS. Trên nguyên tắc trung tâm dữ liệu với hạ tầng (thiết bị máy chủ, lưu trữ, mạng, bảo mật) tuân thủ các yêu cầu của UBCK, SGDCK cũng như đảm bảo cho việc tăng trưởng của KSS trong giai đoạn 2022-2024. Các sản phẩm ứng dụng mới được chuyển đổi và phát triển dựa trên microservices, đội nhóm phát triển theo tinh thần Agile để đưa ra khách hàng sản phẩm tốt và nhanh.

7.2. “Con người là nhân tố cốt lõi của Tổ chức”

KSS định vị mình là công ty tài chính công nghệ đem đến những trải nghiệm và “Tài chính Hạnh phúc” dành cho Khách hàng, vì thế, triết lý xây dựng con người luôn phản ánh đúng tinh thần và định hướng của KSS.

Với triết lý “Con người là nhân tố cốt lõi để hiện thực hóa các mục tiêu và sự phát triển bền vững của Tổ chức”, KSS không ngừng nỗ lực xây dựng đội ngũ nhân sự chất lượng cao, được đào tạo bài bản, chuyên nghiệp, cũng như liên tục cập nhật, điều chỉnh Chính sách nhân sự với chế độ đãi ngộ phù hợp với từng thời kỳ và định hướng kinh doanh.

Giá trị con người luôn được đặt lên hàng đầu với 4 tiêu chí:



- (i) Luôn chủ động, không ngừng học hỏi và nâng cao năng lực, kinh nghiệm, trình độ chuyên môn;
- (ii) Khao khát thúc đẩy bản thân song hành với sức trẻ, nhiệt huyết, không ngại thử thách, dám sáng tạo, dám hành động;
- (iii) Thái độ Thân thiện – Hòa đồng – Tôn trọng – Gắn kết; và
- (iv) Mỗi cá nhân đối tác của nhau dựa trên tinh thần: Hợp tác – Phát triển – Thành công.

7.3. Chủ động xây dựng văn hóa doanh nghiệp

KSS luôn kiên trì, bền bỉ và đồng lòng với mục tiêu xây dựng đội ngũ nhân văn, hiệu quả và hiệu suất cao. Mọi người sẽ chia trong cuộc sống, giúp đỡ lẫn nhau trong công việc, lúc hoạn nạn khó khăn. Mỗi thành viên của KSS học hỏi nhau để hoàn thiện nhân cách và phát triển văn hóa mang tính nhân văn thông qua 4 yếu tố: Trung thực, Nhân ái, Công bằng và Cam kết.

“Đến với nhau là sự bắt đầu, ở lại cùng nhau là một quá trình và làm việc cùng nhau là một thành công”.

8. TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH NĂM 2021

8.1. Tình hình tài chính

ĐVT: Tỷ đồng

Chỉ tiêu	Năm 2020	Năm 2021	% tăng giảm
Tổng giá trị tài sản	25.578.289.867	1.500.077.265.991	+5.764,65%
Doanh thu	8.406.190.276	604.977.855.597	+7.096,81%
Thuế và các khoản phải nộp	916.271.690	101.492.127.534	+10.976,64%
Lợi nhuận trước thuế	(1.693.233.514)	338.308.051.812	
Lợi nhuận sau thuế	(1.693.233.514)	275.527.729.947	

8.2. Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu

ĐVT: Tỷ đồng

STT	Chỉ tiêu	Năm 2020	Năm 2021	% tăng giảm
I	Chỉ tiêu về khả năng thanh toán			
	Hệ số thanh toán ngắn hạn	41,16	4,90	(36,26)



II Chỉ tiêu về năng lực hoạt động

Vòng quay tổng tài sản	0,32	0,79	0,47
------------------------	------	------	------

III Chỉ tiêu về cơ cấu vốn

Hệ số Nợ/Tổng tài sản	0,02	0,21	0,19
Hệ số Nợ/vốn chủ sở hữu	0,02	0,26	0,24

IV Chỉ tiêu về khả năng sinh lời

Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Doanh thu thuần	-20,14%	45,54%
Hệ số Lợi nhuận sau thuế/vốn chủ sở hữu	-6,74%	23,14%
Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Tổng tài sản	-6,62%	18,37%
Hệ số Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh/Doanh thu thuần	-19,69%	55,82%

9. BÁO CÁO ĐÁNH GIÁ CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Trong năm 2021, biến động tích cực của thị trường chứng khoán được Ban Lãnh đạo KSS dự báo chính xác, lãi suất tiết kiệm tiếp tục duy trì ở mức thấp cùng với chính sách tiền tệ nới lỏng khiến dòng tiền nhàn rỗi hướng vào thị trường tài chính, trong đó có thị trường chứng khoán.

Kịp thời nắm bắt những thay đổi tích cực của thị trường, theo chủ trương và nghị quyết của ĐHCĐ, KSS đã thay đổi mô hình, cơ cấu tổ chức, huy động vốn nhằm nâng cao năng lực tiếp cận và cung cấp dịch vụ tài chính tới đa dạng đối tác khách hàng, HĐQT đã bổ nhiệm các thành viên của Ban Tổng giám đốc hoàn toàn mới, phục vụ với cho chiến lược phát triển của KSS.

Bộ máy Ban Tổng giám đốc đã kịp thời điều hành hoạt động KSS theo đúng chủ trương, chiến lược của HĐQT. Dù đứng trước nhiều khó khăn, thách thức năm qua, Ban Tổng giám đốc đã nỗ lực trong việc đạt được những thành tựu nhất định. Doanh thu hoạt động môi giới trái phiếu, hoạt động tự doanh tăng trưởng ngoạn mục so với năm trước. Đồng thời, Tập thể KSS đã quản lý chi phí hiệu quả, tối ưu nguồn lực, lợi nhuận trước thuế vượt kế hoạch 35%. Lợi nhuận sau thuế đạt 275,5 tỷ đồng, giá trị thuế TNDN đóng góp vào ngân sách nhà nước ước đạt 62,8 tỷ đồng.



ĐVT: Tỷ đồng

Chỉ tiêu	Thực hiện 2020	Kế hoạch 2021	Thực hiện 2021	
Doanh thu hoạt động	8.406.190.276	1.000.000.000.000	604.977.855.597	60,50%
Chi phí hoạt động kinh doanh và quản lý	10.065.400.255	750.000.000.000	267.582.693.286	35,68%
Lợi nhuận trước thuế	(1.693.233.514)	250.000.000.000	338.308.051.812	135,32%

Ban Tổng giám đốc cũng đã điều hành KSS đạt được nhiều thành tựu:

- (i) Mở rộng, bổ sung các nghiệp vụ mà KSS cung ứng, trong năm KSS đã được cấp giấy phép bổ sung 3 nghiệp vụ chính;
- (ii) Hệ thống nguồn lực về hạ tầng công nghệ thông tin, nguồn nhân lực chất lượng cao được đầu tư mạnh mẽ, cuối năm KSS có hơn 400 nhân sự đang làm việc với trình độ đại học và sau đại học chiếm tỷ lệ 97%;
- (iii) Trụ sở của KSS được chuyển ra Hà Nội và VPĐD đã được thành lập tại một số địa phương trong cả nước;
- (iv) Tăng cường năng lực cung cấp dịch vụ thông qua hoạt động tăng vốn, thúc đẩy mạnh mẽ hoạt động môi giới, hợp tác rộng rãi và chặt chẽ với các đối tác chiến lược như Tập đoàn Sunshine, Ngân hàng Kiên Long... trong việc tham gia hệ sinh thái sản phẩm tài chính, ngân hàng bất động sản; và
- (v) Xây dựng và giới thiệu sản phẩm tài chính sáng tạo.

10. ĐÁNH GIÁ CỦA HĐQT VỀ HOẠT ĐỘNG CỦA KSS

10.1. Bối cảnh chung

Trong bối cảnh đại dịch Covid 19 vẫn diễn ra khắp thế giới làm ảnh hưởng nặng nề đến chuỗi cung ứng hàng hóa và nền kinh tế thế giới, thị trường chứng khoán Việt Nam vẫn tăng trưởng cả về điểm số và thanh khoản trong năm 2021, vượt xa kỳ vọng của hầu hết đại đa số nhà đầu tư trên thị trường.

Cụ thể, trong năm 2021, chỉ số VN Index từ 1.103,87 điểm tăng lên 1.498,28 điểm, tương ứng 35,73%; số lượng chứng khoán đăng ký mới và đăng ký bổ sung đạt 29 tỷ chứng khoán, tăng 54% so với năm 2020, nâng tổng số dư chứng khoán tại Trung tâm lưu ký chứng khoán Việt Nam (“VSD”) đến hết ngày 31/12/2021 là hơn 204 tỷ chứng khoán các loại. Số chứng khoán lưu ký mới trong năm 2021 đạt 25 tỷ chứng khoán, tăng 68% so với năm 2020, nâng tổng số dư chứng khoán lưu ký tại VSD lên 119 tỷ chứng khoán (chiếm gần 59% tổng số chứng khoán đăng ký).

Tại 31/12/2021, tổng số tài khoản lưu ký tại VSD là hơn 4 triệu tài khoản, trong đó riêng năm 2021, số lượng tài khoản nhà đầu tư mở mới là 1,5 triệu tài khoản tăng 286% so với số lượng tài khoản mở mới năm 2020, tương đương 4 năm trước đó cộng lại; số lượng tài khoản của nhà đầu tư đăng ký trên hệ thống bù trừ thanh toán giao dịch chứng khoán



phái sinh là 732.917 tài khoản tăng 326% so với năm 2020; tổng giá trị thanh toán toàn thị trường trong năm 2021 đạt 5,4 triệu tỷ đồng, tăng 28% so với năm 2020.

Đối với KSS nói riêng, năm 2021 được coi là năm đánh dấu những bước chuyển mình vượt bậc và mang tính quyết định của KSS.

Không chỉ thực tăng vốn điều lệ thành công từ 110 tỷ lên hơn 1000 tỷ, KSS còn được cấp phép bổ sung thêm 03 nghiệp vụ kinh doanh mới là tự doanh chứng khoán, tư vấn đầu tư chứng khoán và bảo lãnh phát hành chứng khoán. Như vậy, bên cạnh nghiệp vụ môi giới chứng khoán đã có sẵn, KSS đã được cấp phép thực hiện đủ 04 nghiệp vụ kinh doanh của công ty chứng khoán theo pháp luật hiện hành và lấy đó làm cơ sở để đạt được những bước ngoặt mạnh mẽ. KSS là một trong các công ty chứng khoán tiên phong áp dụng công nghệ eKYC trong việc định danh khách hàng, thực hiện thủ tục mở tài khoản giao dịch chứng khoán cho khách hàng hoàn toàn bằng phương pháp trực tuyến, đồng thời vẫn đang tiếp tục triển khai và phát triển một số sản phẩm mới áp dụng trên nền tảng số và các ứng dụng điện thoại. Các sản phẩm đầu tư trực tuyến đã ra mắt và đang được nhà đầu tư tin tưởng lựa chọn. KSS vẫn đang tiếp tục nghiên cứu, hoàn thiện các sản phẩm công nghệ hiện có và các giải pháp đầu tư thông minh sắp triển khai trong tương lai, đồng thời đảm bảo vận hành hệ thống công nghệ ổn định phục vụ hiệu quả hoạt động kinh doanh.

10.2. Đánh giá của HĐQT về các mặt hoạt động của KSS, trong đó có đánh giá liên quan đến trách nhiệm môi trường và xã hội

(a) Hoạt động của HĐQT:

Căn cứ theo Nghị quyết ĐHĐCĐ ngày 24/02/2021, các thành viên HĐQT cũ đã được miễn nhiệm toàn bộ, đồng thời ĐHĐCĐ đã lựa chọn và bổ nhiệm HĐQT nhiệm kỳ mới với các thành viên chủ chốt, tham gia tích cực vào vai trò đưa ra chủ trương hoạt động và quản trị, điều hành công ty. Trong điều kiện thị trường chứng khoán tương đối tích cực và KSS đứng trước biến động lớn cả về mặt nhân sự và chủ trương phát triển, HĐQT mới đã nỗ lực chỉ đạo, định hướng KSS thay đổi gắn với các điều chỉnh lớn trong năm, có thể kể đến như:

- (i) Chỉ đạo và triển khai việc KSS phát hành cổ phần phổ thông cho cổ đông hiện hữu và tăng vốn điều lệ thành công lên hơn 1.000 tỷ đồng căn cứ trên phương án phát hành cổ phần đã được ĐHĐCĐ phê duyệt và chấp thuận;
- (ii) Bổ nhiệm, kiện toàn bộ máy nhân sự chủ chốt phục vụ cho hoạt động của KSS. Cụ thể, HĐQT đã thực hiện bổ nhiệm mới toàn bộ các thành viên của Ban Tổng Giám đốc, bao gồm: Tổng Giám đốc và Phó Tổng Giám đốc và Giám đốc điều hành, phân công thực hiện một số công việc theo ủy quyền của HĐQT cho các thành viên Ban Tổng Giám đốc căn cứ trên chức năng, nhiệm vụ và năng lực của từng thành viên cũng như nhiệm vụ chung về điều hành hoạt động kinh doanh, hoạt động vận hành công ty của Ban Tổng Giám đốc;
- (iii) Tổ chức các cuộc họp ĐHĐCĐ thường niên, cuộc họp ĐHĐCĐ bất thường đúng theo quy định của pháp luật hiện hành;



- (iv) Đề xuất sửa đổi, bổ sung Điều lệ công ty nhằm phù hợp với sự thay đổi của các quy định pháp luật hiện hành cũng như thực trạng vận hành tại KSS, trình ĐHĐCĐ phê duyệt và ban hành;
 - (v) Phê duyệt, đề xuất phê duyệt và kiện toàn các quy chế, quy trình và văn bản nội bộ quan trọng phục vụ cho hoạt động kinh doanh và hoạt động quản trị của công ty, bao gồm (quy trình quản trị rủi ro hoạt động, quy trình kiểm soát nội bộ, quy trình tư vấn đầu tư chứng khoán...);
 - (vi) Chỉ đạo và triển khai thành công việc chuyển trụ sở chính của KSS từ TP. Hồ Chí Minh ra TP. Hà Nội để phù hợp với định hướng phát triển của KSS;
 - (vii) Phê duyệt và chấp thuận cho KSS thực hiện các thủ tục nhằm thành lập chi nhánh tại TP. Hồ Chí Minh, chấp thuận cho mở mới Phòng Giao dịch tại TP. Hà Nội và văn phòng đại diện tại các tỉnh/thành phố trọng điểm phù hợp với kế hoạch mở rộng và phát triển hoạt động kinh doanh của KSS; và
 - (viii) Thông qua các hợp đồng, giao dịch với người liên quan, các giao dịch cần phải được HĐQT phê duyệt theo quy định của Luật Doanh nghiệp.
- (b) Đánh giá về một số mặt hoạt động của KSS:

Năm 2021, KSS đã thay đổi quy mô, cơ cấu, tổ chức, nhân sự và ổn định trong mọi hoạt động của mình để phù hợp với tình hình mới. Thông qua hoạt động của mình, HĐQT nhiệm kỳ mới đã kịp thời thực hiện điều chỉnh, ra quyết định phù hợp, góp phần giúp KSS đạt được sự chuyển biến tích cực trong hoạt động và đạt được một số kết quả khả quan:

- (i) Lợi nhuận trước thuế năm 2021 tăng trưởng mạnh, đạt mức cao vượt trội so với cùng kỳ năm ngoái:

Đứng trước điều kiện thiên thời là kinh tế vĩ mô tương đối ổn định, thị trường chứng khoán phát triển, KSS đã ra các quyết định mang tính chiến lược bao gồm bổ sung nghiệp vụ kinh doanh được cấp phép, thay đổi bộ máy lãnh đạo, mở rộng mô hình tổ chức, địa bàn kinh doanh và quy mô nhân sự. Bên cạnh đó, nhận được sự tin tưởng của cổ đông, đối tác và nhà đầu tư, Đội ngũ KSS đã đoàn kết, làm việc với nỗ lực, tinh thần nhiệt huyết, đổi mới, sáng tạo. Qua đó, KSS đã đạt được kết quả tăng trưởng ngoạn mục: doanh thu hoạt động đạt gần 604,98 tỷ đồng, gấp 72 lần so với cùng kỳ năm 2020 (8.41 tỷ đồng), lợi nhuận kế toán sau thuế đạt 275,53 tỷ đồng, tăng 277,22 tỷ đồng so với mức lỗ 1,69 tỷ đồng của năm 2020. Đây là kết quả đặc biệt tích cực khi so sánh với cùng kỳ năm 2020.

- (ii) Nâng cao năng lực đáp ứng chuyển đổi số:

Trong năm, KSS đầu tư vào các giải pháp phần mềm, nâng cao năng lực đáp ứng của hệ thống công nghệ thông tin, qua đó đưa ra nhiều sản phẩm ứng dụng công nghệ mới, tiên phong trong việc áp dụng công nghệ eKYC vào các sản phẩm, dịch vụ dành cho nhà đầu tư, thực hiện các giải pháp chuyển đổi công nghệ số khiến tỷ lệ giao dịch trực tuyến tăng vượt bậc.



Đồng thời, hệ thống trang thiết bị cung cấp thực hiện tác nghiệp được trang bị đồng bộ trên toàn hệ thống với chất lượng và cấu hình cao, góp phần nâng cao năng suất làm việc.

(iii) Ưu tiên phát triển nguồn nhân lực:

Cùng với sự thay mới về bộ máy quản trị, lãnh đạo, trong năm KSS không ngừng chiêu mộ nhân tài, bởi nhân sự chính là nguồn tài sản quý giá nhất, góp phần vào nâng cao năng lực cạnh tranh của KSS. KSS luôn nỗ lực thực hiện nhiều biện pháp để tạo nên một môi trường làm việc chuyên nghiệp, đoàn kết, sáng tạo và sẵn sàng chinh phục mọi khó khăn thử thách. Từ bộ máy nhỏ gọn đầu năm 2021, KSS đã xây dựng trở thành tập thể hơn 400 nhân sự với trình độ đại học và trên đại học chiếm tới 97%.

10.3. Đánh giá của HĐQT về hoạt động của Ban Tổng Giám đốc

Căn cứ Điều lệ công ty, HĐQT thực hiện giám sát Ban Tổng Giám đốc và các cán bộ quản lý khác trong điều hành hoạt động kinh doanh và vận hành của công ty. Công tác quản trị công ty của HĐQT được thực hiện mạnh mẽ, quyết liệt, đảm bảo tất cả các Nghị quyết, Quyết định, chỉ đạo của HĐQT, Chủ tịch HĐQT được giám sát thực hiện chặt chẽ, thường xuyên và rõ trách nhiệm, nhằm đáp ứng yêu cầu công việc và thực tiễn kinh doanh. Nhìn chung, hoạt động điều hành công ty của Ban Tổng Giám đốc được tiến hành chặt chẽ theo đúng quy định của Pháp luật và Điều lệ công ty, cụ thể:

- (a) Ban Tổng Giám đốc đã triển khai hoạt động kinh doanh theo định hướng chiến lược dài hạn của KSS, thực hiện đúng các Nghị quyết ĐHĐCĐ và Nghị quyết HĐQT đồng thời nâng cao công tác quản lý, quản trị rủi ro và kiểm soát rủi ro;
- (b) Các hoạt động kinh doanh, nghiệp vụ hàng ngày đều được tuân thủ theo quy trình tác nghiệp và quản lý và đảm bảo tuân thủ theo các quy định của luật pháp hiện hành;
- (c) Các thành viên Ban Tổng giám đốc điều hành và quản trị công ty theo các chuẩn mực quản trị hiện đại, đề cao đạo đức nghề nghiệp và luôn hành động vì quyền lợi của cổ đông công ty;
- (d) Định kỳ, Ban Tổng Giám đốc thực hiện tốt trách nhiệm báo cáo kết quả kinh doanh, tiến độ thực hiện các Nghị quyết của HĐQT, những khó khăn, thuận lợi phát sinh trong công tác điều hành. Trên cơ sở báo cáo và tình hình thực tế nắm bắt được, HĐQT tổ chức họp xem xét, đánh giá kết quả điều hành của Ban Tổng Giám đốc và yêu cầu triển khai công việc mới theo nghị quyết ĐHĐCĐ đề ra (nếu có); và
- (e) Đồng thời, theo đánh giá của HĐQT, Ban Tổng Giám đốc đã cố gắng hoàn thành tốt trách nhiệm được giao năm 2021, cụ thể là:
 - (i) Ban Tổng Giám đốc đã thực hiện đầy đủ trách nhiệm báo cáo, giải trình, công bố thông tin về tình hình hoạt động kinh doanh một cách đầy đủ, minh bạch. Ban Tổng Giám đốc đã tuân thủ các yêu cầu về trình và xin ý kiến các nội dung thuộc thẩm quyền phê duyệt của HĐQT tại các cuộc họp HĐQT định kỳ và đột xuất; và



- (ii) Ban Tổng Giám đốc và các cán bộ quản lý chủ chốt đã thực hiện hiệu quả và hợp lý các quyết định của HĐQT, thể hiện trách nhiệm cao trong việc điều hành, đã chủ động đề xuất và triển khai các phương án thực hiện, luôn hoàn thành tốt các nhiệm vụ mà ĐHĐCĐ giao phó. Kết quả hoạt động kinh doanh, lợi nhuận năm 2021 của KSS là tăng trưởng vượt bậc, cao hơn kế hoạch đề ra.

10.4. Các kế hoạch, định hướng của HĐQT

- (a) Tiếp tục nghiên cứu và kiện toàn hệ thống công nghệ thông tin phục vụ cho hoạt động kinh doanh và cung cấp dịch vụ của KSS, đưa KSS trở thành một trong những định chế tài chính tiên phong trong việc áp dụng các giải pháp công nghệ sáng tạo cùng công cụ tiện ích để hỗ trợ khách hàng tối đa trong việc thực hiện các kế hoạch đầu tư;
- (b) Tiếp tục tập trung phát triển và mở rộng hoạt động kinh doanh trọng tâm, bao gồm đẩy mạnh hoạt động môi giới chứng khoán, hoạt động tự doanh và các dịch vụ liên quan nghiệp vụ ngân hàng đầu tư nhằm tìm kiếm và đảm bảo nguồn doanh thu chủ chốt;
- (c) Phát triển các sản phẩm và giải pháp tài chính mới và kiện toàn các sản phẩm đang xây dựng nhằm đem đến cho khách hàng một hệ sản phẩm đa dạng, linh hoạt, đáp ứng nhu cầu của các phân khúc khách hàng khác nhau, mang đến một hệ sinh thái đầu tư, tài chính chất lượng, đáng tin cậy trên thị trường chứng khoán Việt Nam, giúp gia tăng giá trị đầu tư cho cổ đông;
- (d) Áp dụng các biện pháp tối ưu hóa nguồn vốn và chi phí, bao gồm cả chi phí hoạt động và chi phí quản lý nhằm đạt được kết quả hoạt động kinh doanh đã định;
- (e) Nâng cao chất lượng nguồn nhân lực, tăng cường đào tạo nội bộ và các hoạt động ngoại khóa; Kiến tạo một môi trường làm việc an toàn, văn minh, khích lệ cho người lao động không ngừng sáng tạo, đổi mới;
- (f) Nghiêm túc tuân thủ pháp luật trong các hoạt động kinh doanh và vận hành, góp phần đảm bảo sự bền vững, an ninh của thị trường chứng khoán nói riêng và nền kinh tế nói chung; Tuân thủ các quy tắc đạo đức nghề nghiệp và mang đến cho khách hàng những sản phẩm, dịch vụ uy tín và phù hợp nhất; và
- (g) Tăng cường các hoạt động thiện nguyện, đóng góp, hỗ trợ cho những hoàn cảnh khó khăn; góp phần xây dựng môi trường sống xanh - sạch - đẹp, hướng đến văn phòng “xanh” (tiết kiệm điện, giấy,...).

11. QUẢN TRỊ CÔNG TY

11.1. Thành viên và Cơ cấu HĐQT năm 2021:

Theo Nghị quyết số 03/2021/NQ-ĐHĐCĐ ngày 21/05/2021 của ĐHĐCĐ, HĐQT KSS bao gồm:

- (i) **Bà Nguyễn Thị Hồng Hạnh:** Chủ tịch HĐQT, nắm giữ 2% số cổ phần có quyền biểu quyết;



(i) **Bà Nguyễn Thị Mai Hương**: Thành viên HĐQT, nắm giữ 1% số cổ phần có quyền biểu quyết;

(i) **Bà Nguyễn Thủy Nguyên**: Thành viên HĐQT

Theo Nghị quyết số 01/2022/NQ-ĐHĐCĐ ngày 10/01/2021, và Nghị quyết số 01/2022/NQ-HĐQT ngày 10/01/2022 của HĐQT, cơ cấu của HĐQT hiện tại bao gồm:

(i) **Ông Nguyễn Nam Hưng** - Chủ tịch HĐQT;

(i) **Bà Nguyễn Thị Mai Hương** - Thành viên HĐQT, nắm giữ 1% số cổ phần có quyền biểu quyết;

(i) **Bà Nguyễn Thủy Nguyên** - Thành viên HĐQT;

(i) **Bà Nguyễn Thị Hồng Hạnh** - Thành viên HĐQT; nắm giữ 2% số cổ phần có quyền biểu quyết; và

(i) **Bà Đỗ Thị Định** - Thành viên HĐQT;

11.2. Hoạt động của HĐQT:

Trong năm 2021, HĐQT đã thực hiện 24 cuộc họp, kịp thời quyết định các vấn đề quan trọng của KSS, trên tinh thần thảo luận dân chủ, công khai và có trách nhiệm cao. Nhờ đó, HĐQT đã kịp thời ra các quyết định chiến lược liên quan đến Tổ chức ĐHĐCĐ thường niên, Bổ nhiệm Nhân sự Ban Tổng Giám đốc, Thực hiện kế hoạch tăng vốn thành công, phê duyệt các quy trình, quy định cốt lõi để phục vụ cho tình hình phát triển giai đoạn mới, một số cuộc họp chính:

[Xem tiếp trang sau]



Thông qua việc thay đổi kế hoạch tổ chức ĐHĐCĐ bất thường năm 2020 theo NQ số 03/2020/NQ-HĐQT

Giao trách nhiệm về quản lý con dấu

Thông qua phương án phát hành cổ phần và kế hoạch sử dụng vốn chi tiết

Thông qua tổ chức ĐHĐCĐ thường niên năm 2021

Điều chỉnh kế hoạch tăng vốn điều lệ

Kế hoạch tổ chức ĐHĐCĐ bất thường

Phê duyệt ngày đăng ký cuối cùng thực hiện quyền của cổ đông

Phê duyệt tài liệu liên quan đến việc phát hành và chào bán cổ phiếu

Bổ nhiệm Tổng Giám Đốc Bà Đỗ Thị Thùy Giang

Phê duyệt kết quả chào bán cổ phiếu

Phê duyệt Quy trình quản trị rủi ro hoạt động

Phê duyệt quy trình Kiểm soát Nội bộ

Ban Hành Quy trình tư vấn đầu tư chứng khoán

Phê duyệt quy trình Đại lý, bảo lãnh, tư vấn phát hành chứng khoán

Phê duyệt Quy trình Nghiệp vụ tự doanh Chứng khoán

Phê duyệt Quy chế tài chính, Quy chế chi tiêu nội bộ và các công việc khác

Phê duyệt hợp đồng, giao dịch với người có liên quan

Phê duyệt việc sửa đổi Điều lệ (theo ủy quyền của ĐHĐCĐ) và bổ nhiệm thành viên Ban Tổng Giám đốc

Phê duyệt chủ trương thành lập văn phòng đại diện

Bổ nhiệm Phó Tổng giám đốc

Giao và ủy quyền một số công việc cho Ban Tổng Giám đốc

Phê duyệt thành lập chi nhánh và một số nội dung khác

Phê duyệt hợp đồng, giao dịch với người có liên quan

Căn cứ Điều lệ công ty và Quy định của Pháp luật, HĐQT thực hiện giám sát Tổng Giám đốc và các cán bộ quản lý khác trong điều hành công việc hàng ngày của KSS. Việc phối hợp hoạt động giữa HĐQT và Ban Tổng giám đốc được thực hiện theo đúng quy định tại Điều lệ công ty và Quy chế Quản trị công ty. Ban Tổng giám đốc đã thực hiện đầy đủ trách nhiệm báo cáo, giải trình, công bố thông tin về tình hình hoạt động kinh doanh một



cách đầy đủ, minh bạch, tuân thủ các yêu cầu về trình và xin ý kiến các nội dung thuộc thẩm quyền phê duyệt của HĐQT tại các cuộc họp HĐQT định kỳ và đột xuất.

Các hoạt động kinh doanh, nghiệp vụ hàng ngày đều được tuân thủ theo quy trình tác nghiệp và quản lý, các hoạt động kinh doanh của KSS đảm bảo tuân thủ theo các quy định của luật pháp hiện hành.

Trên cơ sở đề cao đạo đức nghề nghiệp và luôn hành động vì quyền lợi của cổ đông KSS, hoạt động quản trị công ty của HĐQT được duy trì thường xuyên, chặt chẽ, đáp ứng nhu cầu thực tiễn trong kinh doanh, đảm bảo hoạt động của KSS thực hiện đúng các nghị quyết ĐHĐCĐ và nghị quyết HĐQT.

11.3. Thành viên Ban Kiểm soát (“BKS”):

(a) **Bà Nguyễn Thị Thu Thủy**

- (i) Trưởng Ban Kiểm soát;
- (ii) Bổ nhiệm ngày 26/04/2021.

(b) **Ông Dương Tuấn Dũng**

- (i) Thành viên Ban Kiểm soát;
- (ii) Bổ nhiệm ngày 26/04/2021.

(c) **Ông Dương Thành Trung**

- (i) Thành viên Ban Kiểm soát;
- (ii) Bổ nhiệm ngày 26/04/2021.

11.4. Hoạt động của Ban Kiểm soát:

Trong năm, BKS tiến hành họp thường kỳ hai lần, với tỷ lệ tham dự và đồng thuận tuyệt đối theo chức năng, nhiệm vụ được phân công. Cụ thể:

- (a) Thực hiện các nhiệm vụ giám sát theo đúng quy định của Pháp luật, Điều lệ, Nghị quyết của ĐHĐCĐ, gồm: Giám sát thực thi chiến lược; giám sát tài chính, hoạt động quản lý rủi ro; giám sát hoạt động đầu tư mua bán tài sản và thuê ngoài; giám sát hoạt động giao dịch với các bên liên quan; giám sát triển khai hoạt động kinh doanh mới và tuân thủ Nghị quyết của ĐHĐCĐ, HĐQT;
- (b) Phối hợp tốt với Bộ phận Pháp chế, Kiểm soát nội bộ và Quản trị rủi ro, thực hiện chia sẻ thông tin nhằm nâng cao hiệu quả hoạt động kiểm soát, quản trị rủi ro và quản trị tài chính;
- (c) Tham gia đóng góp ý kiến trong việc ban hành các quy định, quy chế nội bộ của KSS, đảm bảo tuân thủ các quy định của pháp luật và hạn chế rủi ro (nếu cần); và
- (d) Trong năm, HĐQT và Ban Tổng giám đốc đã tạo điều kiện để Ban Kiểm soát hoạt động theo đúng chức năng, nhiệm vụ được phân công. Ban Kiểm soát thường xuyên làm việc với các đơn vị nghiệp vụ để chia sẻ, nắm bắt thông tin kịp thời, nâng cao hiệu quả kiểm soát.



11.5. Giao dịch cổ phiếu của người nội bộ:

STT	Tên tổ chức/cá nhân	Chức vụ tại công ty (nếu có)	Số cổ phiếu sở hữu cuối kỳ	Tỷ lệ sở hữu cổ phiếu cuối kỳ	Giao dịch	Ghi chú
1	Trần Thị Thu Hằng	Chủ tịch HĐQT- Đã miễn nhiệm	43.522.841	43,5%	Tăng vốn, chuyển nhượng	Thành viên HĐQT đã miễn nhiệm trong năm
2	Nguyễn Thị Hồng Hạnh	Thành Viên HĐQT - Chủ tịch HĐQT	2.001.862	2,0%	Tăng vốn, chuyển nhượng	Thành Viên HĐQT
3	Nguyễn Thị Mai Hương	Thành Viên HĐQT	1.501.493	1,5%	Tăng vốn, chuyển nhượng	Thành Viên HĐQT

Trong năm, nhóm người nội bộ có giao dịch cổ phiếu công ty bao gồm:

- Bà Trần Thị Thu Hằng, thành viên HĐQT được bổ nhiệm và miễn nhiệm trong năm, bao gồm các giao dịch nhận chuyển nhượng, thông qua tăng vốn và chuyển nhượng, số cổ phiếu cuối kỳ tương đương 43, 5% vốn chủ sở hữu công ty.
- Bà Nguyễn Thị Hồng Hạnh, Thành viên HĐQT được bổ nhiệm Chủ tịch HĐQT trong năm, nhận chuyển nhượng và thông qua tăng vốn, cuối năm nắm giữ cổ phần tương đương 2,0 % vốn chủ sở hữu công ty.
- Bà Nguyễn Thị Mai Hương, Thành viên HĐQT, nhận chuyển nhượng và thông qua tăng vốn, cuối năm nắm giữ cổ phần tương đương 1,5 % vốn chủ sở hữu công ty, và
- Các thành viên HĐQT, người nội bộ đã miễn nhiệm trong năm đã chuyển nhượng hết số cổ phần sở hữu cho cổ đông khác (nếu có), cuối năm không nắm giữ cổ phần nào.

11.6. Hợp đồng hoặc giao dịch với người nội bộ:

Trong năm ĐHCĐ và HĐQT đã thông qua việc hợp tác chiến lược với hai đối tác là người liên quan của người nội bộ, cụ thể:



- (a) Chuẩn y việc KSS ký kết Hợp đồng môi giới chứng khoán ngày 19/03/2021 và (các) văn bản, thỏa thuận có liên quan với Công ty cổ phần KS Group; và Phê duyệt chương trình hợp tác giữa KSS và KS Group (KS Group);
- (b) Phê duyệt việc hợp tác giữa Công ty cổ phần Tập đoàn Sunshine International Property Technology và KSS.

Ngoài ra, trong năm, KSS đã tiến hành hoàn trả toàn bộ khoản tiền vay từ ông Trần Tổng Sáng – Chủ tịch HĐQT đã miễn nhiệm theo Nghị quyết số 01/2021/NQ-ĐHĐCĐ ngày 24/2/2021 của ĐHĐCĐ.

11.7. **Đánh giá việc thực hiện các quy định về quản trị công ty:**

Trong năm 2021, ĐHĐCĐ của KSS đã tiến hành miễn nhiệm thành viên HĐQT cũ, bổ nhiệm Thành viên HĐQT và Ban Kiểm soát mới, các thành viên được bầu đều đáp ứng đầy đủ tiêu chuẩn và điều kiện trở thành viên HĐQT và Kiểm soát viên theo quy định tại Điều lệ công ty và Pháp luật.

HĐQT năm 2021 có 3 thành viên, Chủ tịch HĐQT không kiêm nhiệm Tổng Giám đốc, cơ cấu HĐQT của KSS đáp ứng các tiêu chí tuân thủ quy định pháp luật áp dụng đối với công ty chứng khoán. Trong năm, KSS đã thông qua Quy chế hoạt động của HĐQT, Điều lệ mới, HĐQT đã tổ chức và duy trì các phiên họp định kỳ để đánh giá và ra quyết định kịp thời, phù hợp đối với các hoạt động kinh doanh của KSS, các Nghị quyết của HĐQT được đưa ra trên cơ sở tỷ lệ đồng thuận tuyệt đối.

Công tác giám sát tuân thủ các chỉ đạo của HĐQT đối với hoạt động của Ban Tổng Giám đốc trong năm 2021 tiếp tục được chú trọng thực hiện mạnh mẽ, quyết liệt, đảm bảo tất cả các Nghị quyết, Quyết định, chỉ đạo của HĐQT, Chủ tịch HĐQT được giám sát thực hiện chặt chẽ, thường xuyên và rõ trách nhiệm.

BKS thực hiện các nhiệm vụ giám sát theo đúng quy định của Pháp luật, Điều lệ, Nghị quyết của ĐHĐCĐ, gồm: Giám sát thực thi chiến lược; giám sát tài chính, hoạt động quản lý rủi ro; giám sát hoạt động đầu tư mua bán tài sản và thuê ngoài; giám sát hoạt động giao dịch với các bên liên quan; giám sát triển khai hoạt động kinh doanh mới và tuân thủ Nghị quyết của ĐHĐCĐ, HĐQT. BKS thường xuyên có ý kiến kịp thời tới HĐQT về các nội dung được cung cấp, phối hợp tốt với Bộ phận Pháp chế, Kiểm soát nội bộ và Quản trị rủi ro, thực hiện chia sẻ thông tin nhằm nâng cao hiệu quả hoạt động kiểm soát, quản trị rủi ro và quản trị tài chính. Thông qua những hoạt động này, BKS đã phát huy tốt vai trò giám sát của mình để đảm bảo các nghị quyết, quyết định của HĐQT trong năm đều được thực hiện cẩn trọng trên nguyên tắc đảm bảo tối đa lợi ích của KSS và cổ đông.



12. BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Trích xuất từ Báo cáo tài chính ngày 31 tháng 12 năm 2021

12.1. Ý kiến kiểm toán



CÔNG TY TNHH DỊCH VỤ TƯ VẤN TÀI CHÍNH KẾ TOÁN VÀ KIỂM TOÁN PHÍA NAM
SOUTHERN AUDITING AND ACCOUNTING FINANCIAL CONSULTING SERVICES COMPANY LIMITED (AASCS)

Số: 55/BCKT/TC/2022/AASCS

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: Các Cổ đông, Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc
CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN KS

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính riêng kèm theo của Công ty Cổ phần Chứng khoán KS được lập ngày 28/01/2022 từ trang 08 đến trang 40, bao gồm Báo cáo tình hình tài chính riêng tại ngày 31 tháng 12 năm 2021, Báo cáo kết quả hoạt động riêng, Báo cáo biến động vốn chủ sở hữu riêng, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh Báo cáo tài chính riêng.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính riêng của Công ty theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán cho công ty chứng khoán Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính riêng của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính riêng. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính riêng do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính riêng.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.



Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính riêng đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính riêng của Công ty Cổ phần Chứng khoán KS tại ngày 31 tháng 12 năm 2021, cũng như báo cáo kết quả hoạt động riêng, báo cáo tình hình biến động vốn chủ sở hữu riêng và các luồng lưu chuyển tiền tệ riêng cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán áp dụng cho công ty chứng khoán và các quy định pháp lý có liên quan tại Việt Nam đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Lập, ngày 28 tháng 02 năm 2022

Công ty TNHH Dịch vụ Tư vấn Tài chính
Kế toán và Kiểm toán Phú Nam
Phó Tổng Giám đốc



LE ĐÌNH AI
Số giấy CNĐKHN kiểm toán: 3770-2018-142-1

Kiểm toán viên

NGUYỄN THỊ MỸ NGỌC
Số giấy CNĐKHN kiểm toán: 1091-2018-142-1



12.2. Báo cáo tài chính được kiểm toán
BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH RIÊNG

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2021

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN (100 = 110 + 130)	100		1.470.253.518.991	19.272.597.646
I. Tài sản tài chính	110		1.466.606.922.966	810.642.629
Tiền và các khoản tương đương tiền	111	V.1	308.057.085.911	29.554.134
- Tiền	111.1		308.057.085.911	29.554.134
Các tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi lỗ (FVTPL)	112	V.3.1	989.583.616.200	-
Các khoản đầu tư giữ đến ngày đáo hạn (HTM)	113	V.3.4	115.500.000.000	-
Các khoản cho vay	114	V.3.3	942.630.757	11.088.495
Các khoản phải thu	117	V.4.1	1.908.147.256	-
- Phải thu và dự thu cổ tức, tiền lãi các tài sản tài chính	117.2	V.4.1	1.908.147.256	-
+ Dự thu cổ tức, tiền lãi chưa đến ngày nhận	117.4	V.4.1	1.908.147.256	-
Trả trước cho người bán	118	V.4.3	375.840.650	-
Phải thu các dịch vụ CTCK cung cấp	119	V.4.2	49.275.268.285	770.000.000
Các khoản phải thu khác	122	V.4.4	964.333.907	-
II. Tài sản ngắn hạn khác	130		3.646.596.025	18.461.955.017
Tạm ứng	131		240.050.000	18.256.110.000
Chi phí trả trước ngắn hạn	133	V.5.1	3.291.774.995	23.846.664
Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	135		114.771.030	181.998.353
B. TÀI SẢN DÀI HẠN (200 = 210 + 220 + 230 + 240 + 250 - 260)	200		29.823.747.000	6.305.692.221
II. Tài sản cố định	220		22.373.093.086	5.581.869.982
Tài sản cố định hữu hình	221	V.6	3.993.871.243	1.309.825.687
- Nguyên giá	222		6.851.749.308	3.410.695.908
- Giá trị hao mòn lũy kế	223a		(2.857.878.065)	(2.100.870.221)
Tài sản cố định vô hình	227	V.7	18.379.221.843	4.272.044.295
- Nguyên giá	228		20.972.334.272	6.306.834.272
- Giá trị hao mòn lũy kế	229a		(2.593.112.429)	(2.034.789.977)
V. Tài sản dài hạn khác	250		7.450.653.914	723.822.239
Cầm cố, thế chấp, ký quỹ, ký cược dài hạn	251	V.8	663.395.920	362.345.920
Chi phí trả trước dài hạn	252	V.5.2	6.452.032.733	7.390.379
Tiền nộp Quỹ hỗ trợ thanh toán	254	V.9	335.225.261	354.085.940
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270 = 100 + 200)	270		1.500.077.265.991	25.578.289.867



C. NỢ PHẢI TRẢ (300 = 310 + 340)	300		309.604.876.074	468.199.897
I. Nợ phải trả ngắn hạn	310		299.923.692.834	468.199.897
Vay và nợ thuế tài chính ngắn hạn	311		114.012.883.892	-
- <i>Vay ngắn hạn</i>	312	V.11	114.012.883.892	-
Phải trả người bán ngắn hạn	320	V.12	8.506.463.275	-
Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	322	V.13	51.153.881.825	6.264.757
Phải trả người lao động	323		40.932.471.379	265.977.522
Chi phí phải trả ngắn hạn	325	V.14	766.105.095	90.000.000
Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	327	V.15	68.887.156.308	-
Các khoản phải trả, phải nộp khác ngắn hạn	329	V.16	15.664.731.060	105.957.618
II. Nợ phải trả dài hạn	340		9.681.183.240	-
Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	356	V.10	9.681.183.240	-
D. VỐN CHỦ SỞ HỮU (400 = 410 + 420)	400		1.190.472.389.917	25.110.089.970
I. Vốn chủ sở hữu	410	V.17	1.190.472.389.917	25.110.089.970
Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411		1.000.373.030.000	110.538.460.000
- <i>Vốn góp của chủ sở hữu</i>	411.1		1.000.373.030.000	110.538.460.000
+ <i>Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết</i>	411.1a		1.000.373.030.000	110.538.460.000
+ <i>Cổ phiếu ưu đãi</i>	411.1b		-	-
Quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ	414		10.618.277.150	-
Quỹ dự phòng tài chính và rủi ro nghiệp vụ	415		10.618.277.150	-
Lợi nhuận chưa phân phối	417		168.862.805.617	(85.428.370.030)
- <i>Lợi nhuận sau thuế đã thực hiện</i>	417.1		130.138.072.657	(85.428.370.030)
- <i>Lợi nhuận chưa thực hiện</i>	417.2		38.724.732.960	-
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác	420		-	-
TỔNG CỘNG NỢ VÀ VỐN CHỦ SỞ HỮU (440 = 300 + 400)	440		1.500.077.265.991	25.578.289.867



CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH RIÊNG

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2021

Đơn vị tính: VND

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
A. TÀI SẢN CỦA CTCK VÀ TÀI SẢN QUẢN LÝ THEO CAM KẾT				
Cổ phiếu đang lưu hành	06		100.037.303	11.053.846
Tài sản tài chính niêm yết/đăng ký giao dịch tại VSD của CTCK	8	V.18.1	17.475.060.000	-
- Tài sản tài chính giao dịch tự do chuyển nhượng	008.1		17.475.060.000	-
Tài sản tài chính chưa lưu ký tại VSD của CTCK	12	V.18.2	945.000.000.000	-
B. TÀI SẢN VÀ CÁC KHOẢN PHẢI TRẢ VỀ TÀI SẢN QUẢN LÝ CAM KẾT VỚI KHÁCH HÀNG				
Tài sản tài chính niêm yết/đăng ký giao dịch tại VSD của Nhà đầu tư	21	V.18.3	1.217.793.510.000	7.068.780.000
- Tài sản tài chính giao dịch tự do chuyển nhượng	021.1		264.192.680.000	7.038.780.000
- Tài sản tài chính hạn chế chuyển nhượng	021.2		17.046.830.000	-
- Tài sản tài chính giao dịch cầm cố	021.3		585.000.000.000	-
- Tài sản tài chính phong tỏa, tạm giữ	021.4		350.144.000.000	-
- Tài sản tài chính chờ thanh toán	021.5		1.410.000.000	30.000.000
Tài sản tài chính đã lưu ký tại VSD và chưa giao dịch của Nhà đầu tư	22	V.18.4	110.000	460.000
- Tài sản tài chính đã lưu ký tại VSD và chưa giao dịch, tự do chuyển nhượng	022.1		110.000	460.000
Tài sản tài chính chờ về của Nhà đầu tư	23	V.18.5	6.103.070.000	10.500.000
Tiền gửi của khách hàng	26	V.18.6	386.779.004.845	2.040.088.125
Tiền gửi về hoạt động môi giới chứng khoán	27		377.152.969.205	2.018.102.125
- Tiền gửi của Nhà đầu tư về giao dịch chứng khoán theo phương thức CTCK quản lý	27.1		377.152.969.205	2.018.102.125
Tiền gửi tổng hợp giao dịch chứng khoán cho khách hàng	28		9.579.349.562	21.986.000
Tiền gửi của Tổ chức phát hành chứng khoán	30	V.18.7	46.686.078	-
Phải trả Nhà đầu tư về tiền gửi giao dịch chứng khoán theo phương thức CTCK quản lý	31	V.18.8	386.732.318.767	2.040.088.125
- Phải trả Nhà đầu tư trong nước về tiền gửi giao dịch chứng khoán theo phương thức CTCK quản lý	31.1		385.318.662.975	444.478.082
- Phải trả Nhà đầu tư nước ngoài về tiền gửi giao dịch chứng khoán theo phương thức CTCK quản lý	31.2		1.413.655.792	1.595.610.043
Phải trả Tổ chức phát hành chứng khoán	32	V.18.9	46.686.078	-



BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG RIÊNG

Năm 2021

Đơn vị tính: VND

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
I. DOANH THU HOẠT ĐỘNG				
Lãi từ các tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ (FVTPL)	01		86.131.287.578	-
- Lãi bán các tài sản tài chính FVTPL	01.1	VI.1.1	16.709.788.529	-
- Chênh lệch tăng đánh giá lại các tài sản tài chính FVTPL	01.2	VI.1.2	48.405.916.200	-
- Có tác, tiền lãi phát sinh từ tài sản tài chính FVTPL	01.3	VI.1.3	21.015.582.849	-
Lãi từ các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn (HTM)	02	V.1.4	3.975.164.382	-
Lãi từ các khoản cho vay và phải thu	03	V.1.4	37.673.307	2.085.998
Doanh thu nghiệp vụ môi giới chứng khoán	06	V.1.4	220.381.419.621	380.126.753
Doanh thu bảo lãnh, đại lý phát hành chứng khoán	07	V.1.4	19.900.000.000	-
Doanh thu nghiệp vụ lưu ký chứng khoán	09	V.1.4	214.147.109.293	1.587.038
Doanh thu hoạt động tư vấn tài chính	10	V.1.4	-	8.000.000.000
Thu nhập hoạt động khác	11	V.1.4	60.405.201.416	22.390.487
Cộng doanh thu hoạt động (20 = 01-->11)	20	VI.1	604.977.855.597	8.406.190.276
II. CHI PHÍ HOẠT ĐỘNG				
Lỗ các tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ (FVTPL)	21		619.788.662	-
- Lỗ bán các tài sản tài chính	21.1		619.788.662	-
Chi phí nghiệp vụ môi giới chứng khoán	27		187.225.944.575	651.319.145
Chi phí nghiệp vụ bảo lãnh, đại lý phát hành chứng khoán	28		68.813.300	-
Chi phí nghiệp vụ lưu ký chứng khoán	30		1.126.249.147	-
Chi phí các dịch vụ khác	32		355.463.681	1.272.364
+ Trong đó: Chi phí sửa lỗi giao dịch chứng khoán, lỗi khác	33		978.780	-
Cộng chi phí hoạt động (40 = 21-->32)	40	VI.3	189.396.259.365	652.591.509
III. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH				
Doanh thu, dự thu cổ tức, lãi tiền gửi ngân hàng không cố định	42		328.501.114	3.697.369
Doanh thu khác về đầu tư	44		509.000	-
Cộng doanh thu hoạt động tài chính (50 = 41-->44)	50	VI.2	329.010.114	3.697.369
IV. CHI PHÍ TÀI CHÍNH				
Chi phí lãi vay	52		9.053.978	-
Chi phí tài chính khác	55		9.682.192	-
Cộng chi phí tài chính (60 = 51-->55)	60	VI.4	18.736.170	-



V. CHI PHÍ BÁN HÀNG	61			
VI. CHI PHÍ QUẢN LÝ CÔNG TY CHỨNG KHOÁN	62	VI.5	78.186.433.921	9.412.808.746
VII. KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG (70= 20+50-40-60-61-62)	70		337.705.436.255	(1.655.512.610)
VIII. THU NHẬP KHÁC VÀ CHI PHÍ KHÁC				
Thu nhập khác	71	VI.6	1.089.564.252	3.181.818
Chi phí khác	72	VI.7	486.948.695	40.902.722
Cộng kết quả hoạt động khác (80= 71-72)	80		602.615.557	(37.720.904)
IX. TỔNG LỢI NHUẬN KẾ TOÁN TRƯỚC THUẾ (90=70 + 80)	90		338.308.051.812	(1.693.233.514)
Lợi nhuận đã thực hiện	91		289.902.135.612	(1.693.233.514)
Lợi nhuận chưa thực hiện	92		48.405.916.200	-
X. CHI PHÍ THUẾ TNDN	100		62.780.321.865	-
Chi phí thuế TNDN hiện hành	100.1	VI.8.1	53.099.138.625	-
Chi phí thuế TNDN hoãn lại	100.2	VI.8.2	9.681.183.240	-
XI. LỢI NHUẬN KẾ TOÁN SAU THUẾ TNDN (200 = 90 - 100)	200		275.527.729.947	(1.693.233.514)
XII. THU NHẬP (LỖ) TOÀN DIỆN KHÁC SAU THUẾ TNDN	300			
XIII. THU NHẬP THUẬN TRÊN CỔ PHIẾU PHỔ THÔNG	500			
Lãi cơ bản trên cổ phiếu (Đồng/l cổ phiếu)	501	VI.10	4.243	(153)
Thu nhập pha loãng trên cổ phiếu (Đồng/l cổ phiếu)	502	VI.11	4.243	(153)



BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ RIÊNG

(Theo phương pháp trực tiếp)

Năm 2021

Đơn vị tính: VND

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
Tiền đã chi mua các tài sản tài chính	01		(8.990.800.858.079)	-
Tiền đã thu từ bán các tài sản tài chính	02		7.950.029.674.660	-
Tiền lãi đã thu	05		22.782.421.933	3.697.369
Tiền chi trả Tổ chức cung cấp dịch vụ cho CTCK	07		(1.393.764.479)	-
Tiền chi trả cho người lao động	08		(106.299.263.594)	(3.383.438.891)
Tiền chi nộp thuế liên quan đến hoạt động CTCK	09		(21.691.859.266)	(121.200.580)
Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	11		574.826.104.341	105.836.116.356
Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	12		(105.596.781.639)	(103.137.357.185)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		(678.144.326.123)	(802.182.931)
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ, BĐSĐT và các tài sản khác	21		(17.665.913.800)	-
Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ, BĐSĐT và các tài sản khác	22		-	3.181.818
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		(17.665.913.800)	3.181.818
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31		889.834.570.000	-
Tiền vay gốc	33		114.003.201.700	-
Tiền vay khác	33.2		114.003.201.700	-
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		1.003.837.771.700	-
IV. Tăng/giảm tiền thuần trong năm	50		308.027.531.777	(799.001.113)
V. Tiền và các khoản tương đương tiền đầu năm	60		29.554.134	828.555.247
Tiền	61		29.554.134	328.555.247
Các khoản tương đương tiền	62		-	500.000.000
VI. Tiền và các khoản tương đương tiền cuối năm (70 = 50 + 60)	70		308.057.085.911	29.554.134
Tiền	71		308.057.085.911	29.554.134



PHẦN LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HOẠT ĐỘNG MÔI GIỚI, ỦY THÁC CỦA KHÁCH HÀNG

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
I. Lưu chuyển tiền hoạt động môi giới, ủy thác của khách hàng				
Tiền thu bán chứng khoán môi giới cho khách hàng	01		4.583.327.378.080	31.996.975.841
Tiền chi mua chứng khoán môi giới cho khách hàng	02		(9.313.083.170.490)	(30.431.321.326)
Nhận tiền gửi để thanh toán giao dịch chứng khoán của khách hàng	07		13.546.993.180.491	-
Nhận tiền gửi của Nhà đầu tư cho hoạt động ủy thác đầu tư của khách hàng	08		(8.434.857.960.537)	-
Chi lãi giao dịch chứng khoán	11		(55.885.887)	-
Tiền thu của Tổ chức phát hành chứng khoán	14		30.200.965.930	-
Tiền chi trả Tổ chức phát hành chứng khoán	15		(27.785.590.867)	-
Tăng/giảm tiền thuần trong năm	20		384.738.916.720	1.565.654.515
II. Tiền và các khoản tương đương tiền đầu năm của khách hàng	30		2.040.088.125	474.433.610
Tiền gửi ngân hàng đầu năm:	31		2.040.088.125	474.433.610
- Tiền gửi của Nhà đầu tư về giao dịch chứng khoán theo phương thức CTCK quản lý	32		2.018.102.125	408.833.610
- Tiền gửi tổng hợp giao dịch chứng khoán cho khách hàng	33		21.986.000	65.600.000
- Tiền gửi của tổ chức phát hành	35		-	-
III. Tiền và các khoản tương đương tiền cuối năm của khách hàng (40 = 20 + 30)	40		386.779.004.845	2.040.088.125
Tiền gửi ngân hàng cuối năm:	41		386.779.004.845	2.040.088.125
- Tiền gửi của Nhà đầu tư về giao dịch chứng khoán theo phương thức CTCK quản lý	42		377.152.969.205	2.018.102.125
- Tiền gửi tổng hợp giao dịch chứng khoán cho khách hàng	43		9.579.349.562	21.986.000
- Tiền gửi của tổ chức phát hành	45		46.686.078	-
Các khoản tương đương tiền	46		-	-
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	47		-	-



BÁO CÁO TÌNH HÌNH BIẾN ĐỘNG VỐN CHỦ SỞ HỮU RIÊNG

Năm 2021

Đơn vị tính: VND

Chỉ tiêu	Số dư đầu năm		Số tăng/giảm				Số dư cuối năm	
	01/01/2020	01/01/2021	Năm trước		Năm nay		31/12/2020	31/12/2021
			Tăng	Giảm	Tăng	Giảm		
			3	4	5	6		
A	1	2	3	4	5	6	7	8
I. Biến động vốn chủ sở hữu	26.803.323.484	25.110.089.970	-	(1.693.233.514)	1.186.598.854.247	(21.236.554.300)	25.110.089.970	1.190.472.389.917
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	110.538.460.000	110.538.460.000	-	-	889.834.570.000	-	110.538.460.000	1.000.373.030.000
3. Quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ	-	-	-	-	10.618.277.150	-	-	10.618.277.150
4. Quỹ dự phòng tài chính và rủi ro nghiệp vụ	-	-	-	-	10.618.277.150	-	-	10.618.277.150
5. Lợi nhuận chưa phân phối	(83.735.136.516)	(85.428.370.030)	-	(1.693.233.514)	275.527.729.947	(21.236.554.300)	(85.428.370.030)	168.862.805.617
5.1. Lợi nhuận đã thực hiện	(83.735.136.516)	(85.428.370.030)	-	(1.693.233.514)	236.802.996.987	(21.236.554.300)	(85.428.370.030)	130.138.072.657
5.2. Lợi nhuận chưa thực hiện	-	-	-	-	38.724.732.960	-	-	38.724.732.960
II. Thu nhập toàn diện khác	-	-	-	-	-	-	-	-
Cộng	26.803.323.484	25.110.089.970	-	(1.693.233.514)	1.186.598.854.247	(21.236.554.300)	25.110.089.970	1.190.472.389.917



BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Năm 2021

I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY

1. Thành lập

Công ty Cổ phần Chứng khoán KS tiền thân là Công ty Cổ phần Chứng khoán Việt Nam Gateway, được thành lập và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 4103005774 do Sở Kế hoạch và Đầu tư TP. Hồ Chí Minh cấp ngày 22/12/2006; Giấy phép hoạt động kinh doanh chứng khoán số 42/UBCK-GPHDKD ngày 28/12/2006; các Giấy phép điều chỉnh số 09/GPĐC-UBCK ngày 11/03/2021, Giấy phép điều chỉnh số 54/GPĐC-UBCK ngày 15/07/2021, Giấy phép điều chỉnh số 05/GPĐC-UBCK ngày 13/01/2022, Giấy phép điều chỉnh số 13/GPĐC-UBCK ngày 28/01/2022 do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp và Quyết định số 43/QĐ-UBCK ngày 19/01/2022 của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước về việc chấp thuận thành lập văn phòng đại diện công ty chứng khoán.

Vốn điều lệ ban đầu của Công ty là 12.000.000.000 VND và được bổ sung trong từng thời kỳ theo các Giấy phép điều chỉnh. Theo giấy phép điều chỉnh số 54/GPĐC-UBCK do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp ngày 15/07/2021, vốn điều lệ của công ty là 1.000.373.030.000 VND.

Tên Tiếng Anh: KS Securities Joint Stock Company

Tên viết tắt: KSS

Trụ sở chính của Công ty tại Tầng 1 và tầng 6, Tòa nhà Sunshine Center, 16 Phạm Hùng, Phường Mỹ Đình 2, Quận Nam Từ Liêm, TP. Hà Nội, Việt Nam.

2. Hình thức sở hữu vốn

Là Công ty cổ phần được cấp giấy phép thành lập và hoạt động theo quy định của Luật Chứng khoán.

3. Ngành nghề kinh doanh

Môi giới chứng khoán, tự doanh chứng khoán, tư vấn đầu tư chứng khoán và bảo lãnh phát hành chứng khoán.

4. Quy mô vốn Công ty chứng khoán

Vốn điều lệ của Công ty theo Giấy phép điều chỉnh số 54/GPĐC-UBCK 1.000.373.030.000 VND

Vốn thực góp của Công ty tại ngày 31/12/2021 1.000.373.030.000 VND

5. Mục tiêu đầu tư

Mục tiêu hoạt động của Công ty là kinh doanh có hiệu quả trong lĩnh vực chứng khoán, mang lại lợi nhuận cho các cổ đông, tạo công việc cho người lao động và phát triển Công ty ngày càng lớn mạnh.

6. Hạn chế đầu tư

Thực hiện theo Điều 28 Thông tư 121/2020/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 31/12/2020, cụ thể:

Công ty chứng khoán không được mua, góp vốn mua bất động sản trừ trường hợp để sử dụng làm trụ sở chính, chi nhánh, phòng giao dịch phục vụ trực tiếp cho các hoạt động nghiệp vụ của công ty chứng khoán.

Công ty chứng khoán mua, đầu tư vào bất động sản theo quy định và tài sản cố định theo nguyên tắc giá trị còn lại của tài sản cố định và bất động sản không được vượt quá năm mươi phần trăm (50%) giá trị tổng tài sản của công ty chứng khoán.

Tổng giá trị đầu tư vào các trái phiếu doanh nghiệp của công ty chứng khoán không được vượt quá bảy mươi phần trăm (70%) vốn chủ sở hữu. Công ty chứng khoán được cấp phép thực hiện nghiệp vụ tự doanh chứng khoán được mua bán lại trái phiếu niêm yết theo quy định có liên quan về giao dịch mua bán lại trái phiếu.



Công ty chứng khoán không được trực tiếp hoặc ủy thác cho tổ chức, cá nhân khác thực hiện:

- Đầu tư vào cổ phiếu hoặc phần vốn góp của công ty có sở hữu trên năm mươi phần trăm (50%) vốn điều lệ của công ty chứng khoán, trừ trường hợp mua cổ phiếu lô lẻ theo yêu cầu của khách hàng;
- Cùng với người có liên quan đầu tư từ năm phần trăm (5%) trở lên vốn điều lệ của công ty chứng khoán khác;
- Đầu tư quá hai mươi phần trăm (20%) tổng số cổ phiếu, chứng chỉ quỹ đang lưu hành của một tổ chức niêm yết;
- Đầu tư quá mười lăm phần trăm (15%) tổng số cổ phiếu, chứng chỉ quỹ đang lưu hành của một tổ chức chưa niêm yết, quy định này không áp dụng đối với chứng chỉ quỹ thành viên, quỹ hoàn đối danh mục và quỹ mở;
- Đầu tư hoặc góp vốn quá mười phần trăm (10%) tổng số vốn góp của một công ty trách nhiệm hữu hạn hoặc dự án kinh doanh;
- Đầu tư hoặc góp vốn quá mười lăm phần trăm (15%) vốn chủ sở hữu vào một tổ chức hoặc dự án kinh doanh;
- Đầu tư quá bảy mươi phần trăm (70%) vốn chủ sở hữu vào cổ phiếu, phần vốn góp và dự án kinh doanh, trong đó không được đầu tư quá hai mươi phần trăm (20%) vốn chủ sở hữu vào cổ phiếu chưa niêm yết, phần vốn góp và dự án kinh doanh.

Công ty chứng khoán dự kiến thành lập, mua lại công ty quản lý quỹ làm công ty con phải đáp ứng các điều kiện sau:

- Vốn chủ sở hữu sau khi góp vốn thành lập, mua lại công ty quản lý quỹ tối thiểu phải bằng vốn pháp định cho các nghiệp vụ kinh doanh công ty đang thực hiện;
- Tỷ lệ vốn khả dụng sau khi góp vốn thành lập, mua lại công ty quản lý quỹ tối thiểu phải đạt một trăm tám mươi phần trăm (180%);

Trường hợp công ty chứng khoán đầu tư vượt quá hạn mức do thực hiện báo lãnh phát hành theo hình thức cam kết chắc chắn, do hợp nhất, sáp nhập hoặc do biến động tài sản, vốn chủ sở hữu của công ty chứng khoán hoặc tổ chức góp vốn, công ty chứng khoán phải áp dụng các biện pháp cần thiết để tuân thủ hạn mức đầu tư theo quy định.

7. Đặc điểm hoạt động của doanh nghiệp trong năm tài chính có ảnh hưởng đến báo cáo tài chính

Không phát sinh vấn đề gì trọng yếu cần công bố trong báo cáo này.

8. Tổng số nhân viên tại ngày 31/12/2021 là 342 người. Tại ngày 31/12/2020 là 14 người.

9. Cấu trúc Công ty Chứng khoán

Tại ngày 31/12/2021, Công ty không có thành lập Chi nhánh hoặc sở hữu Công ty con hoặc Công ty liên kết nào.

II. NIÊN ĐỘ KẾ TOÁN, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

1. Niên độ kế toán

Niên độ kế toán của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc tại ngày 31 tháng 12 hàng năm.

2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đồng Việt Nam (VND) được sử dụng làm đơn vị tiền tệ để ghi sổ kế toán.



III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng Chế độ kế toán áp dụng cho các công ty chứng khoán tại Việt Nam ban hành theo Thông tư 210/2014/TT-BTC ngày 30 tháng 12 năm 2014 và Thông tư 334/2016/TT-BTC ngày 27 tháng 12 năm 2016 của Bộ Tài chính hướng dẫn chế độ kế toán và chế độ báo cáo tài chính áp dụng đối với công ty chứng khoán.

2. Tuyên bố về việc tuân thủ chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán

Chúng tôi đã thực hiện công việc kế toán theo quy định của Thông tư 210/2014/TT-BTC ngày 30 tháng 12 năm 2014 và Thông tư 334/2016/TT-BTC ngày 27 tháng 12 năm 2016 hướng dẫn kế toán áp dụng đối với công ty chứng khoán, các chuẩn mực kế toán Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan. Báo cáo tài chính đã được trình bày một cách trung thực và hợp lý về tình hình tài chính riêng, kết quả hoạt động riêng, báo cáo tình hình vốn chủ sở hữu riêng và các luồng tiền của doanh nghiệp.

Việc lựa chọn số liệu và thông tin cần phải trình bày trong bản thuyết minh báo cáo tài chính được thực hiện theo nguyên tắc trọng yếu quy định tại chuẩn mực kế toán Việt Nam số 21 "Trình bày báo cáo tài chính".

3. Hình thức kế toán áp dụng

Hình thức kế toán áp dụng: Nhật ký chung.

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Nguyên tắc ghi nhận tiền và các khoản tương đương tiền

1.1. Ghi nhận vốn bằng tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng của công ty chứng khoán, các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi không quá ba tháng kể từ ngày mua, có tính thanh khoản cao, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành các lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền.

Tiền gửi của nhà đầu tư về giao dịch chứng khoán và tiền gửi của tổ chức phát hành được phản ánh tại các chỉ tiêu ngoài-báo cáo tình hình tài chính.

1.2. Phương pháp chuyển đổi các đồng tiền khác ra đồng tiền sử dụng trong kế toán

Thực hiện theo quy định hiện hành về ghi nhận, đánh giá, xử lý các khoản chênh lệch tỷ giá trong việc quy đổi các đồng tiền khác ra đồng tiền sử dụng trong kế toán.

Các nghiệp vụ phát sinh bằng đơn vị tiền tệ khác với đơn vị tiền tệ kế toán được hạch toán theo tỷ giá giao dịch của ngân hàng thương mại tại ngày phát sinh nghiệp vụ. Tại ngày kết thúc kỳ kế toán, các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được đánh giá lại như sau:

- Các khoản mục tài sản được đánh giá lại sử dụng tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch;

- Các khoản mục nợ phải trả được đánh giá lại sử dụng tỷ giá bán ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch.

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá thực tế phát sinh trong năm và chênh lệch do đánh giá lại số dư tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối năm được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động riêng.



Đối với doanh nghiệp có sử dụng công cụ tài chính để dự phòng rủi ro hối đoái thì các khoản vay, nợ phải trả có gốc ngoại tệ được hạch toán theo tỷ giá thực tế tại thời điểm phát sinh. Doanh nghiệp không được đánh giá lại các khoản vay, nợ phải trả có gốc ngoại tệ đã sử dụng công cụ tài chính để dự phòng rủi ro hối đoái.

2. Nguyên tắc và phương pháp kế toán tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi lỗ, các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn, các khoản cho vay và phải thu, tài sản tài chính sẵn sàng để bán, nợ tài chính.

2.1. Nguyên tắc phân loại tài sản tài chính

Các tài sản tài chính của Công ty (bao gồm tiền và các khoản tiền gửi ngân hàng, các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác, các khoản cho vay, các công cụ tài chính được niêm yết, không được niêm yết và các công cụ tài chính phái sinh) được phân thành các nhóm sau đây dựa vào bản chất và mục đích sở hữu tại ngày mua:

a. Tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi lỗ (FVTPL)

Các tài sản tài chính FVTPL là tài sản tài chính thỏa mãn một trong các điều kiện sau:

Tài sản tài chính được phân loại vào nhóm nắm giữ để kinh doanh. Tài sản tài chính được phân loại vào nhóm chứng khoán nắm giữ để kinh doanh, nếu:

- Được mua hoặc tạo ra chủ yếu cho mục đích bán lại/mua lại trong thời gian ngắn;
- Có bằng chứng về việc kinh doanh công cụ đó nhằm mục đích thu lợi ngắn hạn; hoặc
- Công cụ tài chính phái sinh (ngoại trừ các công cụ tài chính phái sinh được xác định là một hợp đồng bảo lãnh tài chính hoặc một công cụ phòng ngừa rủi ro hiệu quả).

Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, các tài sản tài chính xác định sẽ được trình bày hợp lý hơn nếu phân loại vào tài sản tài chính FVTPL vì một trong các lý do sau đây:

- Việc phân loại vào tài sản tài chính FVTPL loại trừ hoặc làm giảm đáng kể sự không thống nhất trong ghi nhận hoặc xác định giá trị tài sản tài chính theo các cơ sở khác nhau;
- Tài sản Tài chính thuộc một nhóm các Tài sản Tài chính được quản lý và kết quả quản lý được đánh giá dựa trên cơ sở giá trị đồng thời phù hợp với chính sách quản lý rủi ro hoặc chiến lược đầu tư của Công ty.

Các tài sản tài chính FVTPL được ghi nhận ban đầu theo giá gốc (giá mua của tài sản không bao gồm chi phí giao dịch phát sinh trực tiếp từ việc mua các tài sản tài chính này) và được tiếp tục ghi nhận sau ghi nhận ban đầu theo giá trị hợp lý.

Khoản chênh lệch giảm do đánh giá lại tài sản tài chính FVTPL theo giá thị trường so với kỳ trước được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động riêng trên khoản mục "Chênh lệch giảm về đánh giá lại các tài sản tài chính FVTPL". Khoản chênh lệch tăng do đánh giá lại tài sản tài chính FVTPL theo giá thị trường so với kỳ trước được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động riêng trên khoản mục "Chênh lệch tăng về đánh giá lại các tài sản tài chính FVTPL".

Chi phí mua các tài sản tài chính FVTPL được ghi nhận vào chi phí giao dịch mua các tài sản tài chính của báo cáo kết quả hoạt động ngay khi phát sinh.

b. Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn (HTM)

Các tài sản tài chính HTM là các tài sản tài chính phi phái sinh với các khoản thanh toán cố định hoặc có thể xác định và có kỳ đáo hạn cố định mà Công ty có ý định và có khả năng giữ đến ngày đáo hạn, ngoại trừ:

- Các tài sản tài chính mà tại thời điểm ghi nhận ban đầu đã được xếp vào nhóm ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua lãi lỗ;
- Các tài sản tài chính đã được xếp vào nhóm sẵn sàng để bán;
- Các tài sản tài chính thỏa mãn định nghĩa về các khoản cho vay và phải thu.



Các tài sản tài chính HTM được ghi nhận ban đầu theo giá gốc (giá mua của tài sản cộng (+) các chi phí giao dịch phát sinh trực tiếp từ việc mua các tài sản tài chính này như phí môi giới, phí giao dịch, phí đại lý phát hành và phí ngân hàng). Sau ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính HTM được ghi nhận theo giá trị phân bổ sử dụng phương pháp lãi suất thực.

Giá trị phân bổ của các khoản đầu tư HTM được xác định bằng giá trị ghi nhận ban đầu của tài sản tài chính trừ đi (-) các khoản hoàn trả gốc cộng (+) hoặc trừ (-) các khoản phân bổ lũy kế tính theo phương pháp lãi suất thực của phần chênh lệch giữa giá trị ghi nhận ban đầu và giá trị đáo hạn, trừ đi các khoản giảm trừ dự phòng do suy giảm giá trị hoặc do không thể thu hồi (nếu có).

Phương pháp lãi suất thực là một phương pháp tính toán chi phí phân bổ về thu nhập lãi hoặc chi phí lãi trong kỳ liên quan của một tài sản tài chính hoặc một nhóm các khoản đầu tư HTM.

Lãi suất thực là lãi suất chiết khấu chính xác các luồng tiền ước tính sẽ chi trả hoặc nhận được trong tương lai trong suốt vòng đời dự kiến của công cụ tài chính hoặc trong kỳ hạn ngắn hơn, nếu cần thiết, trở về giá trị ghi sổ hiện tại ròng của tài sản hoặc nợ tài chính.

c. Các khoản cho vay

Các khoản cho vay là các tài sản tài chính phi phái sinh có các khoản thanh toán cố định hoặc có thể xác định và không được niêm yết trên thị trường hoàn hảo, ngoại trừ:

- Các khoản mà Công ty có ý định bán ngay hoặc sẽ bán trong tương lai gần được phân loại là tài sản nắm giữ vì mục đích kinh doanh, và các khoản mà tại thời điểm ghi nhận ban đầu được Công ty xếp vào nhóm ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua lãi/lỗ;
- Các khoản được Công ty xếp vào nhóm sẵn sàng để bán tại thời điểm ghi nhận ban đầu; hoặc
- Các khoản mà người nắm giữ có thể không thu hồi được phần lớn giá trị đầu tư ban đầu, không phải do suy giảm chất lượng tín dụng, và được phân loại vào nhóm sẵn sàng để bán.

Các khoản cho vay được ghi nhận ban đầu theo giá gốc (giá trị giải ngân của khoản cho vay). Sau ghi nhận ban đầu, các khoản cho vay được ghi nhận theo giá trị phân bổ sử dụng phương pháp lãi suất thực.

Giá trị phân bổ của các khoản cho vay được xác định bằng giá trị ghi nhận ban đầu của tài sản tài chính trừ đi các khoản hoàn trả gốc cộng hoặc trừ các khoản phân bổ lũy kế tính theo phương pháp lãi suất thực của phần chênh lệch giữa giá trị ghi nhận ban đầu và giá trị đáo hạn, trừ đi các khoản giảm trừ dự phòng do suy giảm giá trị hoặc do không thể thu hồi (nếu có).

d. Tài sản tài chính sẵn sàng để bán (AFS)

Tài sản tài chính sẵn sàng để bán là các tài sản tài chính phi phái sinh được xác định là sẵn sàng để bán hoặc không được phân loại là:

- Các khoản cho vay và phải thu;
- Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn;
- Các tài sản tài chính ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua lãi/lỗ.

Các tài sản tài chính AFS được ghi nhận ban đầu theo giá gốc (giá mua cộng các chi phí giao dịch phát sinh trực tiếp từ việc mua các tài sản tài chính này). Sau ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính AFS được ghi nhận theo giá trị hợp lý.

Khoản chênh lệch do đánh giá lại tài sản tài chính AFS thay đổi theo giá thị trường (tăng hoặc giảm) so với kỳ trước được thể hiện trên khoản mục "Chênh lệch đánh giá lại tài sản tài chính AFS" thuộc phần Thu nhập toàn diện khác trên báo cáo kết quả hoạt động riêng.



2.2. Nguyên tắc phân loại nợ tài chính

Nợ phải trả tài chính được phân loại một cách phù hợp thành các khoản nợ phải trả tài chính được ghi nhận thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và các khoản nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị phân bổ. Công ty xác định việc phân loại các khoản nợ phải trả tài chính tại thời điểm ghi nhận lần đầu.

Tất cả nợ phải trả tài chính được ghi nhận ban đầu theo nguyên giá cộng với các chi phí giao dịch trực tiếp có liên quan.

Nợ phải trả tài chính của Công ty bao gồm các khoản phải trả người bán, các khoản phải trả khác, nợ và vay và các công cụ tài chính phái sinh, các khoản nợ vay, nợ vay tài sản tài chính, trái phiếu chuyển đổi, trái phiếu phát hành, nợ thuế tài sản tài chính, phải trả người bán, các khoản nợ phải trả phát sinh trong hoạt động kinh doanh chứng khoán.

Nợ tài chính được chấm dứt ghi nhận khi Công ty không còn nghĩa vụ bắt buộc phải thanh toán tiền mặt hoặc tài sản tài chính hoặc công cụ vốn chủ sở hữu cho đơn vị khác.

2.3. Nguyên tắc bù trừ tài sản tài chính và nợ tài chính

Các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính được bù trừ và giá trị thuần sẽ được trình bày trên các báo cáo tài chính nếu, và chỉ nếu, đơn vị có quyền hợp pháp thì hành việc bù trừ các giá trị đã được ghi nhận này và có ý định bù trừ trên cơ sở thuần, hoặc thu được các tài sản và thanh toán nợ phải trả đồng thời.

2.4. Nguyên tắc dừng ghi nhận tài sản tài chính và nợ tài chính

Tài sản tài chính (hoặc một phần của một nhóm tài sản tài chính tương tự) được ngừng ghi nhận khi:

- Công ty không còn quyền thu tiền phát sinh từ các tài sản tài chính; hoặc
- Công ty không chuyển giao hay giữ lại toàn bộ rủi ro và lợi ích gắn với tài sản đó nhưng đã chuyển giao quyền kiểm soát tài sản.

Khi công ty chuyển giao quyền thu tiền phát sinh từ tài sản hoặc đã ký hợp đồng chuyển giao với bên thứ ba nhưng vẫn chưa chuyển giao phần lớn mọi rủi ro và lợi ích gắn liền với tài sản hoặc chuyển giao quyền kiểm soát đối với tài sản, tài sản vẫn được ghi nhận là tài sản của Công ty. Trong trường hợp đó, Công ty cũng ghi nhận một khoản nợ phải trả tương ứng. Tài sản được chuyển giao và nợ phải trả tương ứng được ghi nhận trên cơ sở phản ánh quyền và nghĩa vụ mà Công ty giữ lại.

Việc tiếp tục tham gia mà có hình thức bảo lãnh các tài sản chuyển nhượng sẽ được ghi nhận theo giá trị nhỏ hơn giữa giá trị ghi sổ ban đầu của tài sản và số tiền tối đa mà Công ty được yêu cầu phải thanh toán.

2.5. Nguyên tắc ghi nhận và trình bày về dự phòng suy giảm giá trị tài sản tài chính

Các tài sản tài chính được xem xét khả năng suy giảm giá trị tại ngày lập báo cáo tình hình tài chính.

Dự phòng được lập cho việc giảm giá trị của các tài sản tài chính có thể chuyển nhượng được trên thị trường tại ngày kết thúc năm kế toán tương ứng với chênh lệch giữa giá trị sổ sách và giá trị thực tế trên thị trường tại ngày có giao dịch gần nhất nhưng không quá một tháng tính đến ngày trích lập dự phòng theo hướng dẫn của Thông tư 146/2014/TT-BTC. Tăng hoặc giảm số dư tài khoản dự phòng được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trên khoản mục "Chi phí dự phòng tài sản tài chính, xử lý tổn thất các khoản phải thu khó đòi và lỗ suy giảm tài sản tài chính và chi phí đi vay".



Giá trị thị trường/hợp lý của chứng khoán được xác định theo quy định tại Thông tư 146/2014/TT-BTC:

- Giá trị thị trường của chứng khoán niêm yết trên Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội và Sở Giao dịch Chứng khoán thành phố Hồ Chí Minh là giá đóng cửa tại ngày gần nhất có giao dịch tính đến ngày đánh giá giá trị chứng khoán;
- Đối với các chứng khoán của các công ty chưa niêm yết trên thị trường chứng khoán nhưng đã đăng ký giao dịch trên thị trường giao dịch của các công ty đại chúng chưa niêm yết (UPCOM) thì giá trị thị trường được xác định là giá bình quân tại ngày gần nhất có giao dịch tính đến ngày đánh giá giá trị chứng khoán;
- Đối với cổ phiếu niêm yết bị hủy hoặc bị đình chỉ giao dịch hoặc bị ngừng giao dịch kể từ ngày giao dịch thứ sáu trở đi, giá chứng khoán thực tế là giá trị sổ sách tại ngày lập báo cáo tình hình tài chính gần nhất;
- Đối với cổ phiếu chưa niêm yết và chưa đăng ký giao dịch trên thị trường giao dịch của các công ty đại chúng chưa niêm yết (UpCom) thì giá chứng khoán thực tế trên thị trường là giá trung bình của các mức giá giao dịch thực tế theo báo giá của ba (03) công ty chứng khoán có giao dịch tại thời điểm gần nhất với thời điểm đánh giá giá trị chứng khoán;
- Các chứng khoán không có giá tham khảo từ các nguồn trên sẽ được đánh giá giá trị hợp lý dựa trên việc xem xét tình hình tài chính và giá trị sổ sách của tổ chức phát hành tại ngày đánh giá giá trị chứng khoán.

2.6. Giá trị hợp lý của tài sản tài chính và nợ tài chính

Giá trị hợp lý của tiền mặt và tiền gửi ngắn hạn, các khoản phải thu khách hàng, các khoản phải trả người bán và nợ phải trả ngắn hạn khác tương đương với giá trị ghi sổ của các khoản mục này.

Giá trị hợp lý của chứng khoán niêm yết được xác định dựa trên giá công bố trên các thị trường giao dịch (nếu có).

Các công cụ tài chính chưa niêm yết mà giá trị hợp lý không thể xác định được một cách chắc chắn do không có thị trường có tính thanh khoản cao được xác định dựa trên báo giá hoặc giá trị tài sản ròng/giá trị sổ sách của đơn vị phát hành hoặc được xác định dựa trên đánh giá của Công ty về khả năng thu hồi của chứng khoán đầu tư. Trường hợp không có đủ nguồn thông tin đáng tin cậy để xác định thì giá trị hợp lý của các công cụ chưa niêm yết được phản ánh theo giá gốc.

3. Nguyên tắc ghi nhận tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được ghi nhận theo nguyên giá trừ đi giá trị khấu hao lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào hoạt động như dự kiến.

Các chi phí mua sắm, nâng cấp và đổi mới tài sản cố định hữu hình được ghi tăng nguyên giá của tài sản đó. Các chi phí bảo trì, sửa chữa được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động khi phát sinh.

Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, các khoản lãi hoặc lỗ phát sinh do thanh lý tài sản (là phần chênh lệch giữa tiền thu thuần từ việc bán tài sản với giá trị còn lại của tài sản) được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động.

4. Nguyên tắc ghi nhận tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá trừ đi giá trị khấu hao lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định vô hình bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào hoạt động như dự kiến.

Các chi phí mua sắm, nâng cấp và đổi mới tài sản cố định vô hình được ghi tăng nguyên giá của tài sản đó. Các chi phí bảo trì, sửa chữa được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động khi phát sinh.

Khi tài sản cố định vô hình được bán hay thanh lý, các khoản lãi hoặc lỗ phát sinh do thanh lý tài sản (là phần chênh lệch giữa tiền thu thuần từ việc bán tài sản với giá trị còn lại của tài sản) được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động.



Nguyên tắc khấu hao tài sản cố định

Khấu hao và hao mòn tài sản cố định hữu hình và vô hình được trích theo phương pháp khấu hao đường thẳng trong suốt thời gian hữu dụng ước tính của các tài sản như sau:

	<u>Số năm khấu hao ước tính</u>
- Máy móc, thiết bị	03 - 08 năm
- Phương tiện vận tải	06 năm
- Phần mềm	03 - 15 năm
- Tài sản vô hình khác	05 năm

5. Nguyên tắc ghi nhận và trình bày các khoản ký quỹ, ký cược ngắn hạn, dài hạn

Theo dõi chi tiết từng khoản tiền ký quỹ, ký cược của từng khách hàng theo kỳ hạn và theo từng loại nguyên tệ. Các khoản ký cược, ký quỹ có kỳ hạn còn lại không quá 12 tháng được trình bày là tài sản ngắn hạn, các khoản có kỳ hạn còn lại trên 12 tháng được trình bày là tài sản dài hạn.

6. Nguyên tắc ghi nhận các khoản phải thu

6.1. Nguyên tắc và phương pháp kế toán các khoản phải thu về tài sản tài chính

Các khoản phải thu được ghi nhận ban đầu theo giá gốc và luôn được phân ánh theo giá gốc trong thời gian tiếp theo.

Được hạch toán chi tiết cho từng đối tượng, ghi chép theo từng giao dịch và từng lần phát sinh.

6.2. Nguyên tắc và phương pháp kế toán các khoản phải thu khác

Được hạch toán chi tiết cho từng đối tượng, từng nội dung phải thu, theo dõi chi tiết kỳ hạn thu hồi và ghi chép theo từng lần thanh toán.

6.3. Nguyên tắc và phương pháp kế toán dự phòng nợ phải thu khó đòi

Các khoản phải thu được xem xét trích lập dự phòng rủi ro theo tuổi nợ quá hạn của khoản nợ hoặc theo tổn thất dự kiến có thể xảy ra trong trường hợp khoản nợ chưa đến hạn thanh toán nhưng tổ chức kinh tế làm vào tình trạng phá sản hoặc đang làm thủ tục giải thể; người nợ mất tích, bỏ trốn, đang bị các cơ quan pháp luật truy tố, giam giữ, xét xử, đang thi hành án hoặc đã chết. Chi phí dự phòng phát sinh được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động trên khoản mục "Chi phí dự phòng tài sản tài chính, xử lý tổn thất các khoản phải thu khó đòi, lỗ suy giảm tài sản tài chính và chi phí đi vay của các khoản cho vay" trong năm.

Mức trích lập dự phòng đối với các khoản nợ phải thu quá hạn thanh toán theo hướng dẫn của Thông tư 48/2019/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 08/08/2019 và các văn bản hướng dẫn bổ sung, tỷ lệ dự phòng cụ thể như sau:

<u>Thời gian quá hạn</u>	<u>Mức trích dự phòng</u>
Từ trên sáu (6) tháng đến dưới một (1) năm	30%
Từ một (1) năm đến dưới hai (2) năm	50%
Từ hai (2) năm đến dưới ba (3) năm	70%
Từ ba (3) năm trở lên	100%

7. Nguyên tắc ghi nhận chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí trả trước ngắn hạn hoặc chi phí trả trước dài hạn trên bảng cân đối kế toán và được phân bổ trong khoảng thời gian trả trước của chi phí tương ứng với các lợi ích kinh tế được tạo ra từ các chi phí này.

Các khoản chi phí được hạch toán vào chi phí trả trước dài hạn để phân bổ dần từ 01 đến 03 năm vào báo cáo thu nhập toàn diện.



8. Nguyên tắc và phương pháp kế toán các khoản nợ phải trả ngắn hạn, dài hạn

Các khoản nợ phải trả được ghi nhận theo nguyên giá và không thấp hơn nghĩa vụ phải thanh toán.

Các khoản nợ phải trả được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn phải trả, đối tượng phải trả, loại nguyên tệ phải trả (bao gồm việc đánh giá lại nợ phải trả thỏa mãn định nghĩa các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ) và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty.

Tại thời điểm lập báo cáo tài chính, Công ty ghi nhận ngay một khoản phải trả khi có các bằng chứng cho thấy một khoản tổn thất có khả năng chắc chắn xảy ra theo nguyên tắc thận trọng.

9. Nguyên tắc và phương pháp kế toán ghi nhận vốn chủ sở hữu của CTCK

9.1. Nguyên tắc ghi nhận vốn đầu tư của chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu được hình thành từ số tiền đã góp vốn ban đầu, góp bổ sung của các cổ đông theo điều lệ Công ty. Vốn góp của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực tế đã góp bằng tiền hoặc bằng tài sản tính theo mệnh giá của cổ phiếu đã phát hành khi mới thành lập, hoặc huy động thêm để mở rộng quy mô hoạt động của Công ty.

9.2. Nguyên tắc ghi nhận lợi nhuận CTCK

a. Nguyên tắc ghi nhận lợi nhuận đã thực hiện

Là số chênh lệch giữa tổng doanh thu, thu nhập với tổng các khoản chi phí tính vào báo cáo kết quả hoạt động riêng của công ty lũy kế phát sinh trong kỳ.

b. Nguyên tắc ghi nhận lợi nhuận chưa thực hiện

Là số chênh lệch giữa tổng giá trị lãi, lỗ đánh giá lại của các tài sản tài chính FVTPL hoặc tài sản tài chính khác tính vào báo cáo lãi lỗ của báo cáo kết quả hoạt động riêng thuộc danh mục tài sản tài chính Hủy kế phát sinh trong kỳ.

9.3. Nguyên tắc ghi nhận chênh lệch tỷ giá hối đoái

a. Chênh lệch tỷ giá hối đoái thực hiện trong kỳ

Là chênh lệch phát sinh từ việc trao đổi thực tế hoặc quy đổi cùng một số lượng ngoại tệ sang đơn vị tiền tệ ghi sổ kế toán tại thời điểm phát sinh giao dịch bằng ngoại tệ.

b. Chênh lệch tỷ giá hối đoái đánh giá lại cuối kỳ

Là chênh lệch phát sinh từ việc đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ sang đơn vị tiền tệ ghi sổ kế toán tại thời điểm cuối kỳ kế toán.

Đối với doanh nghiệp có sử dụng công cụ tài chính để dự phòng rủi ro hối đoái thì các khoản vay, nợ phải trả có gốc ngoại tệ được hạch toán theo tỷ giá thực tế tại thời điểm phát sinh. Doanh nghiệp không được đánh giá lại các khoản vay, nợ phải trả có gốc ngoại tệ đã sử dụng công cụ tài chính để dự phòng rủi ro hối đoái.

9.4. Nguyên tắc phân phối lợi nhuận của CTCK (cho cổ đông hoặc thành viên góp vốn, các quỹ của CTCK)

Lợi nhuận sau thuế TNDN được trích các quỹ theo Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông, Điều lệ Công ty và các quy định pháp lý hiện hành.



10. Nguyên tắc ghi nhận các quỹ dự trữ:

Theo Thông tư số 146/2014/TT-BTC ngày 6/10/2014 của Bộ Tài chính về hướng dẫn chế độ tài chính đối với công ty chứng khoán và công ty quản lý quỹ, lợi nhuận thực hiện sau khi bù đắp lỗ năm trước Công ty phải trích lập các quỹ sau:

	Số trích lập hàng năm	Số dư tối đa
- Quỹ dự phòng tài chính	5% lợi nhuận sau thuế	10% vốn điều lệ
- Quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ	5% lợi nhuận sau thuế	10% vốn điều lệ

Quỹ dự phòng tài chính được dùng để bù đắp những tổn thất, thiệt hại về tài sản phát sinh trong quá trình hoạt động kinh doanh sau khi đã được bù đắp bằng tiền bồi thường của các tổ chức bảo hiểm hoặc cá nhân gây ra tổn thất.

Quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ được trích từ lợi nhuận sau thuế hàng năm để bổ sung vốn điều lệ của công ty.

Công ty không được sử dụng quỹ dự phòng tài chính và quỹ dự phòng bổ sung vốn điều lệ để chi trả cổ tức.

11. Nguyên tắc và phương pháp kế toán ghi nhận các khoản doanh thu, thu nhập

Doanh thu được ghi nhận khi Công ty có khả năng nhận được các lợi ích kinh tế có thể xác định được một cách chắc chắn. Doanh thu được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản đã thu hoặc sẽ thu được sau khi trừ đi các khoản chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán và hàng bán bị trả lại.

12. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận doanh thu và dự thu cổ tức, tiền lãi từ các tài sản tài chính

a. Từ các tài sản tài chính FVTPL, HTM, AFS

Thu nhập từ bán các tài sản tài chính FVTPL được xác định dựa trên mức chênh lệch giá bán và giá vốn bình quân của chứng khoán.

Thu nhập từ tiền lãi phát sinh từ các tài sản tài chính FVTPL, HTM, các khoản cho vay, AFS được ghi nhận trên cơ sở lãi dồn tích theo thời gian và lãi suất thực tế từng kỳ kế toán.

Cổ tức, lợi nhuận được chia phát sinh từ các tài sản tài chính FVTPL, HTM, các khoản cho vay, AFS được ghi nhận khi quyền nhận cổ tức được xác lập. Đối với cổ phiếu thương, Công ty chỉ ghi tăng số lượng cổ phiếu được hưởng mà không ghi tăng doanh thu từ cổ tức.

b. Từ các khoản đầu tư tài chính dài hạn (Đầu tư vào công ty con, công ty liên doanh, liên kết)

Cổ tức, lợi nhuận được chia phát sinh từ đầu tư vào công ty con, công ty liên doanh, liên kết hoặc đầu tư dài hạn khác được ghi nhận khi khi quyền sở hữu đối với các khoản đầu tư của Công ty được xác lập trước ngày giao dịch không hưởng quyền và có thông báo chia cổ tức từ tổ chức phát hành.

Doanh thu từ tiền lãi là doanh thu được ghi nhận khi tiền lãi phát sinh trên cơ sở dồn tích (có tính đến lợi tức mà tài sản đem lại) ngoại trừ lãi dồn tích trước ngày mua (được ghi giảm giá gốc chứng khoán) hoặc khả năng thu hồi tiền lãi không chắc chắn.

13. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận doanh thu từ dịch vụ và doanh thu khác

Doanh thu từ hoạt động môi giới chứng khoán được xác định trên cơ sở mức phí môi giới mà Nhà đầu tư phải trả cho Công ty khi giao dịch chứng khoán được thực hiện.

Doanh thu về nghiệp vụ bảo lãnh, đại lý phát hành chứng khoán được xác định trên cơ sở mức phí và hoa hồng được hưởng theo thỏa thuận với tổ chức phát hành khi dịch vụ đã được thực hiện.

Doanh thu nghiệp vụ lưu ký chứng khoán là khoản phí thu được của khách hàng về cung cấp các dịch vụ về nghiệp vụ lưu ký chứng khoán.



Doanh thu hoạt động tư vấn tài chính là doanh thu phát sinh từ cung cấp các dịch vụ tư vấn tài chính cho khách hàng bao gồm: tư vấn tài chính trên thị trường chứng khoán, tư vấn mua bán, sáp nhập....

Các khoản thu nhập khác bao gồm các khoản thu từ các hoạt động xảy ra không thường xuyên, ngoài các hoạt động tạo ra doanh thu, gồm: truy thu hoa hồng các hợp đồng trái phiếu thanh lý trước hạn, thu từ đóng góp của nhân viên ứng với phần hao mòn của máy tính bảng và các khoản khác được ghi nhận là thu nhập khác theo quy định tại Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 14 - Doanh thu và thu nhập khác.

14. Nguyên tắc ghi nhận doanh thu tài chính, chi phí hoạt động tài chính

Doanh thu hoạt động tài chính phản ánh doanh thu từ tiền lãi tiền gửi; chiết khấu thanh toán được hưởng, cổ tức hoặc lợi nhuận được chia của các khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên kết, liên doanh; lãi tỷ giá hối đoái.

Doanh thu phát sinh từ tiền lãi được ghi nhận khi thỏa mãn đồng thời 2 điều kiện: 1. Có khả năng thu được lợi ích từ giao dịch đó; 2. Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.

- Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở thời gian và lãi suất thực tế từng kỳ;
- Tiền bán quyền được ghi nhận trên cơ sở dồn tích phù hợp với hợp đồng;
- Cổ tức và lợi nhuận được chia được ghi nhận khi cổ đông được quyền nhận cổ tức hoặc các bên tham gia góp vốn được quyền nhận lợi nhuận từ việc góp vốn.

Khi không thể thu hồi một khoản mà trước đó đã ghi vào doanh thu thì khoản có khả năng không thu hồi được hoặc không chắc chắn thu hồi được đó phải hạch toán vào chi phí phát sinh trong kỳ, không ghi giảm doanh thu.

Chi phí tài chính bao gồm: chi phí lãi vay, lỗ tỷ giá hối đoái khi đánh giá lại các khoản mục ngoại tệ cuối năm.

Khoản chi phí tài chính được ghi nhận chi tiết cho từng nội dung chi phí khi thực tế phát sinh trong kỳ và được xác định một cách đáng tin cậy khi có đầy đủ bằng chứng về các khoản chi phí này.

15. Nguyên tắc ghi nhận chi phí quản lý công ty chứng khoán

Chi phí thực tế đã phát sinh và các khoản dự chi (nếu có) có liên quan trực tiếp đến hoạt động quản lý trong kỳ phù hợp với quy định pháp luật hiện hành.

16. Nguyên tắc ghi nhận thu nhập khác, chi phí khác

a. Ghi nhận thu nhập khác

Các khoản thu nhập khác ngoài hoạt động kinh doanh, đầu tư của CTCK phát sinh trong kỳ.

b. Ghi nhận chi phí khác

Các khoản chi phí khác ngoài các khoản chi phí phục vụ cho hoạt động kinh doanh, đầu tư các tài sản tài chính.

17. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí thuế TNDN

a. Thuế TNDN hiện hành

Tài sản thuế và thuế phải nộp cho năm hiện hành và các năm trước được xác định bằng giá trị dự kiến phải nộp cho cơ quan thuế, sử dụng mức thuế suất và luật thuế có hiệu lực đến ngày kết thúc kỳ kế toán.

b. Thuế TNDN hoãn lại

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định cho các khoản chênh lệch tạm thời tại ngày kết thúc năm tài chính giữa cơ sở tính thuế thu nhập của các tài sản và nợ phải trả và giá trị ghi sổ của chúng cho mục đích kế toán.



Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế, ngoại trừ thuế thu nhập hoãn lại phải trả phát sinh từ ghi nhận ban đầu của một tài sản hay nợ phải trả từ một giao dịch mà giao dịch này không có ảnh hưởng đến lợi nhuận kế toán hoặc lợi nhuận tính thuế thu nhập (hoặc lỗ tính thuế) tại thời điểm phát sinh giao dịch.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại cần được ghi nhận cho tất cả các chênh lệch tạm thời được khấu trừ, giá trị được khấu trừ chuyển sang các năm sau của các khoản lỗ tính thuế và các khoản ưu đãi thuế chưa sử dụng, khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ, các khoản lỗ tính thuế và các ưu đãi thuế chưa sử dụng này, ngoại trừ tài sản thuế hoãn lại phát sinh từ ghi nhận ban đầu của một tài sản hoặc nợ phải trả từ một giao dịch mà giao dịch này không có ảnh hưởng đến lợi nhuận kế toán hoặc lợi nhuận tính thuế thu nhập (hoặc lỗ tính thuế) tại thời điểm phát sinh giao dịch.

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại phải được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán và phải giảm giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập hoãn lại đến mức bảo đảm chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng. Các tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại chưa ghi nhận trước đây được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán và được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế để có thể sử dụng các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận này.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho giai đoạn tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán, dựa trên mức thuế suất và luật thuế có hiệu lực vào ngày kết thúc kỳ kế toán.

Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào báo cáo thu nhập toàn diện ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh liên quan đến một khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu, trong trường hợp này, thuế thu nhập hoãn lại cũng được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

Doanh nghiệp chỉ được bù trừ các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả khi doanh nghiệp có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế đối với cùng một đơn vị chịu thuế và doanh nghiệp dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải trả và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

18. Các nguyên tắc và chính sách kế toán khác

Tuân thủ Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán công ty Chứng khoán và quy định hiện hành về pháp luật Chứng khoán.

19. Nguyên tắc ghi nhận, quản lý và trình bày trên Báo cáo tài chính về tài sản và nợ phải trả khách hàng

Tuân thủ Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán công ty Chứng khoán và quy định hiện hành về pháp luật Chứng khoán.

20. Công cụ tài chính

Căn cứ Thông tư số 75/2015/TT-BTC ngày 18/05/2015 của Bộ Tài chính, trước khi Chuẩn mực kế toán về công cụ tài chính và các văn bản hướng dẫn được ban hành, Ban Tổng Giám đốc Công ty thực hiện theo hướng dẫn về việc không trình bày và thuyết minh công cụ tài chính theo Thông tư số 210/2009/TT-BTC trong báo cáo tài chính của Công ty.

21. Các bên liên quan

Các bên liên quan là các doanh nghiệp, các cá nhân, trực tiếp hay gián tiếp qua một hay nhiều trung gian, có quyền kiểm soát hoặc chịu sự kiểm soát của Công ty. Các bên liên kết, các cá nhân nào trực tiếp hoặc gián tiếp nắm giữ quyền biểu quyết và có ảnh hưởng đáng kể đối với Công ty, những chức trách quản lý chủ chốt như Ban Tổng Giám đốc, Hội đồng Quản trị, những thành viên thân cận trong gia đình của những cá nhân hoặc các bên liên kết hoặc những công ty liên kết với cá nhân này cũng được coi là các bên liên quan. Trong việc xem xét từng mối quan hệ giữa các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú ý chứ không phải là hình thức pháp lý.



V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRONG BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH RIÊNG
1. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	<i>Số cuối năm</i>	<i>Số đầu năm</i>
Tiền	308.057.085.911	29.554.134
- Tiền gửi ngân hàng cho hoạt động của CTCK	308.057.085.911	29.554.134
Các khoản tương đương tiền	-	-
Cộng	308.057.085.911	29.554.134

2. GIÁ TRỊ KHỐI LƯỢNG GIAO DỊCH THỰC HIỆN TRONG NĂM

	<i>Khối lượng giao dịch thực hiện trong năm</i>	<i>Giá trị khối lượng giao dịch thực hiện trong năm</i>
Của Công ty chứng khoán	2.177.506	129.062.780.000
- Cổ phiếu	1.777.506	88.783.580.000
- Trái phiếu	400.000	40.279.200.000
- Chứng khoán khác	-	-
Của nhà đầu tư	131.905.401	9.307.768.743.500
- Cổ phiếu	58.478.401	1.968.716.144.500
- Trái phiếu	73.380.000	7.338.000.000.000
- Chứng khoán khác	47.000	1.052.599.000
Cộng	134.082.907	9.436.831.523.500

3. CÁC LOẠI TÀI SẢN TÀI CHÍNH

Chi tiêu	<i>Số cuối năm</i>		<i>Số đầu năm</i>	
	<i>Giá trị ghi sổ</i>	<i>Giá trị hợp lý</i>	<i>Giá trị ghi sổ</i>	<i>Giá trị hợp lý</i>
3.1 Tài sản FVTPL				
+ Cổ phiếu niêm yết	87.373.300.000	135.781.216.200	-	-
+ Trái phiếu chưa niêm yết	341.128.200.000	341.128.200.000	-	-
+ Chứng chỉ tiền gửi	512.674.200.000	512.674.200.000	-	-
Cộng	941.177.700.000	989.583.616.200	-	-
3.2 Tài sản AFS				
+ Cổ phiếu	-	-	-	-
+ Trái phiếu	-	-	-	-
Cộng	-	-	-	-
3.3 Các khoản cho vay và phải thu				
+ Cho vay ứng trước tiền bán của khách hàng	942.630.757	942.630.757	11.088.495	11.088.495
Cộng	942.630.757	942.630.757	11.088.495	11.088.495
3.4 Tài sản HTM				
+ Trái phiếu niêm yết	-	-	-	-
+ Công cụ thị trường tiền tệ	115.500.000.000	115.500.000.000	-	-
+ HTM cho vay	-	-	-	-
Cộng	115.500.000.000	115.500.000.000	-	-



4. CÁC KHOẢN PHẢI THU

	<i>Số cuối năm</i>	<i>Số đầu năm</i>
4.1. Các khoản phải thu và dự thu cổ tức, tiền lãi các khoản đầu tư	1.908.147.256	-
4.2. Phải thu các dịch vụ Công ty cung cấp	49.275.268.285	770.000.000
- Phải thu phí tư vấn và đại lý phát hành, lưu ký, quản lý TSBD, đại diện người sở hữu trái phiếu	21.120.335.400	770.000.000
+ Công ty Cổ phần Fcorp	-	770.000.000
+ Công ty Cổ phần Sunshine Marina Nha Trang	3.514.172.900	-
+ Công ty Cổ phần Sunshine AM2	5.543.279.400	-
+ Công ty Cổ phần đầu tư thương mại Sunrise Business	303.178.600	-
+ Công ty Cổ phần Sunshine Cab	1.109.589.000	-
+ Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Sunrise Việt Nam	784.452.400	-
+ Công ty Cổ phần Kinh doanh nhà Sunshine	443.883.000	-
+ Công ty Cổ phần tập đoàn Sunshine	9.421.780.100	-
- Phải thu môi giới trái phiếu	28.154.932.885	-
+ Công ty Cổ phần KS Group	26.784.882.715	-
+ Công ty Cổ phần Đầu tư KS Finance	1.370.050.170	-
4.3. Trả trước cho người bán	375.840.650	-
- Trả trước tiền thuê văn phòng	375.840.650	-
+ Công ty Cổ phần Đầu tư và cho thuê tài sản TNL	375.840.650	-
4.4. Phải thu khác	964.333.907	-
- Phải thu thuế TNCN giữ lại từ giao dịch chuyển nhượng CK	671.412.239	-
+ Công ty Cổ phần KS Group	662.071.345	-
+ Công ty Cổ phần Tập đoàn Sunshine International Property Technology	5.263.269	-
+ Công ty Cổ phần Đầu tư KS Finance	4.077.625	-
- Phải thu khác	292.921.668	-

5. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC

	<i>Số cuối năm</i>	<i>Số đầu năm</i>
5.1 Chi phí trả trước ngắn hạn chờ phân bổ	3.291.774.995	23.846.664
- Công cụ dụng cụ	393.861.145	23.846.664
- Chi phí bảo trì phần mềm	206.208.336	-
- Chi phí phần mềm bản quyền Microsoft Office, EMS	787.853.827	-
- Cuộc internet, thuê kênh đường truyền	493.929.591	-
- Chi phí thuê văn phòng	94.300.000	-
- Chi phí khác	175.122.096	-
- Chi phí bảo lãnh vay ngân hàng	1.140.500.000	-
5.2 Chi phí trả trước dài hạn chờ phân bổ	6.452.032.733	7.390.379
- Công cụ dụng cụ	6.031.525.018	7.390.379
- Chi phí phần mềm bản quyền kaspersky	5.273.330	-
- Cuộc internet, thuê kênh đường truyền	266.405.956	-
- Chi phí khác	148.828.429	-
Cộng	9.743.807.728	31.237.043



6. TÀI SẢN CÓ ĐỊNH HỮU HÌNH

Tài sản	Máy móc thiết bị	Phương tiện vận tải	Thiết bị dụng cụ quản lý	Tổng cộng
Nguyên giá				
Số dư đầu năm	3.410.695.908	-	-	3.410.695.908
Mua trong năm	893.803.400	1.860.000.000	687.250.000	3.441.053.400
Số dư cuối năm	4.304.499.308	1.860.000.000	687.250.000	6.851.749.308
Giá trị hao mòn lũy kế				
Số dư đầu năm	2.100.870.221	-	-	2.100.870.221
Khấu hao trong năm	582.493.722	143.333.335	31.180.787	757.007.844
Số dư cuối năm	2.683.363.943	143.333.335	31.180.787	2.857.878.065
Giá trị còn lại				
Số dư đầu năm	1.309.825.687	-	-	1.309.825.687
Số dư cuối năm	1.621.135.365	1.716.666.665	656.069.213	3.993.871.243

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình cuối kỳ đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng: 618.885.908 VND

7. TÀI SẢN CÓ ĐỊNH VÔ HÌNH

Tài sản	Phần mềm	Tài sản vô hình khác	Tổng cộng
Nguyên giá			
Số dư đầu năm	5.449.878.000	856.956.272	6.306.834.272
Mua trong năm	14.665.500.000	-	14.665.500.000
Số dư cuối năm	20.115.378.000	856.956.272	20.972.334.272
Giá trị hao mòn lũy kế			
Số dư đầu năm	1.316.376.676	718.413.301	2.034.789.977
Khấu hao trong năm	507.572.004	50.750.448	558.322.452
Số dư cuối năm	1.823.948.680	769.163.749	2.593.112.429
Giá trị còn lại			
Số dư đầu năm	4.133.501.324	138.542.971	4.272.044.295
Số dư cuối năm	18.291.429.320	87.792.523	18.379.221.843

Nguyên giá tài sản cố định vô hình cuối kỳ đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng: 967.502.000 VND

8. CÁC TÀI SẢN ĐẢ CẢM CÓ, THẺ CHẤP

	Số cuối năm	Số đầu năm
Ký quỹ, ký cược dài hạn		
- Tiền đặt cọc thuê văn phòng	513.845.920	347.845.920
- Ký quỹ mở thẻ taxi	6.000.000	6.000.000
- Đặt cọc tiền thuê máy photo, máy in	143.550.000	8.500.000
Cộng	663.395.920	362.345.920

9. TIỀN NỢ QUỸ HỖ TRỢ THANH TOÁN

	Số cuối năm	Số đầu năm
- Tiền nộp ban đầu	120.000.000	120.000.000
- Tiền lãi đã rút/ hoàn trả quỹ	72.489.980	72.489.980
- Tiền lãi phân bổ hàng năm	142.735.281	161.595.960
Cộng	335.225.261	354.085.940



10. TÀI SẢN THUẾ TNDN HOẢN LẠI VÀ THUẾ TNDN HOẢN LẠI PHẢI TRẢ

	<i>Số cuối năm</i>	<i>Số đầu năm</i>
<i>a. Tài sản thuế TNDN hoãn lại</i>	-	-
<i>b. Thuế TNDN hoãn lại phải trả</i>		
- Thuế thu nhập hoãn lại phát sinh do phân đánh giá tăng tài sản tài chính FVTPL	9.681.183.240	-
Cộng	9.681.183.240	-

11. VAY NGẮN HẠN

	<i>Số cuối năm</i>	<i>Số đầu năm</i>
- Vay Ngân hàng Woori Bank-CN Bahrain (*)	114.009.682.192	-
- Vay cá nhân (**)	3.201.700	-
Cộng	114.012.883.892	-

Ghi chú:

(*) Vay Ngân hàng Woori Bank-CN Bahrain thời hạn từ 30/12/2021 đến 29/12/2022 lãi suất 1,44%, mục đích vay là bù đắp đầu tư và kinh doanh Trái Phiếu Chính Phủ hoặc chứng chỉ tiền gửi.

(**) Vay cá nhân với thời hạn dưới 12 tháng để bù đắp vốn cho hoạt động kinh doanh.

12. PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN

	<i>Số cuối năm</i>	<i>Số đầu năm</i>
- Công ty Cổ phần Đầu Tư KS Finance	3.241.653.442	-
- Công ty Cổ phần Kinh doanh Bất động sản S-Việt Nam	2.095.948.579	-
- Công ty Cổ phần Quảng cáo và Truyền thông Bông Sen Việt Nam	484.507.835	-
- Công ty TNHH Tổng Công ty Công nghệ và Giải pháp CMC	433.599.660	-
- Khác	2.250.753.759	-
Cộng	8.506.463.275	-

13. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỢ NHÀ NƯỚC

	<i>Số cuối năm</i>	<i>Số đầu năm</i>
<i>Các khoản phải trả phải nộp</i>		
- Thuế giá trị gia tăng	3.812.738.021	-
- Thuế thu nhập cá nhân	12.209.777.941	6.264.757
- Thuế TNDN phải nộp	35.131.365.863	-
Cộng	51.153.881.825	6.264.757
<i>Các khoản thuế phải thu</i>	-	-

14. CHI PHÍ PHẢI TRẢ

	<i>Số cuối năm</i>	<i>Số đầu năm</i>
<i>Ngắn hạn</i>	766.105.095	90.000.000
- Phải trả phí kiểm toán	76.500.000	90.000.000
- Chi phí hoa hồng môi giới bán trái phiếu	475.443.790	-
- Chi phí giao dịch các sản Hoso, HNX, VSD	133.163.135	-
- Chi phí điện thoại, internet, đồ xe và các khoản khác	71.944.192	-
- Chi phí lãi vay	9.053.978	-
<i>Dài hạn</i>	-	-
Cộng	766.105.095	90.000.000



15. DOANH THU CHƯA THỰC HIỆN NGẮN HẠN

	Số cuối năm	Số đầu năm
- Công ty Cổ phần Sunshine AM	7.363.886.955	-
- Công ty TNHH Đầu tư và Kinh doanh Bất động sản Thủ Thiêm	3.316.729.545	-
- Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng Xuân Đình	7.681.540.000	-
- Công ty TNHH Wonderland	5.741.100.575	-
- Công ty TNHH Xây dựng và Phát triển Hoàng Long	5.005.887.000	-
- Công ty Cổ phần Kinh doanh nhà Sunshine	11.984.350.000	-
- Công ty TNHH Tư vấn Đầu tư Nguyễn Bình	5.860.681.000	-
- Công ty Cổ phần đầu tư, thương mại và phát triển xây dựng Sunshine VNE	3.758.904.000	-
- Công ty Cổ phần đầu tư và xây dựng Sunrise Việt Nam	1.183.048.233	-
- Công ty TNHH đầu tư Big Gain	14.479.042.000	-
- Công ty Cổ phần Sunshine Homes	2.511.987.000	-
Cộng	68.887.156.308	-

16. PHẢI TRẢ PHẢI NỢP KHÁC

	Số cuối năm	Số đầu năm
Ngắn hạn	15.664.731.060	105.957.618
- Bảo hiểm xã hội	-	75.275.000
- Bảo hiểm y tế	-	13.275.000
- Bảo hiểm thất nghiệp	-	6.560.000
- Các khoản phải trả, phải nộp khác	15.664.731.060	10.847.618
+ Phí giao dịch phát trả khách hàng	1.291.570.848	-
+ Hoa hồng phải trả Cộng tác viên	9.530.832.969	-
+ Phải trả nhân viên tiền máy tính bảng	1.207.775.700	-
+ Khác	3.634.551.543	10.847.618
Dài hạn	-	-
Cộng	15.664.731.060	105.957.618

17. VỐN CHỦ SỞ HỮU
17.1 Lợi nhuận chưa phân phối

	Số cuối năm	Số đầu năm
- Lợi nhuận đã thực hiện chưa phân phối	130.138.072.657	(85.428.370.030)
- Lợi nhuận chưa thực hiện	38.724.732.960	-
Cộng	168.862.805.617	(85.428.370.030)

17.2 Tình hình tăng giảm vốn chủ sở hữu

	Vốn góp chủ sở hữu	Quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ	Quỹ dự phòng tài chính và rủi ro nghiệp vụ	Lợi nhuận chưa phân phối	Tổng cộng
Số đầu năm	110.538.460.000	-	-	(85.428.370.030)	25.110.089.970
Tăng trong năm	889.834.570.000	-	-	-	889.834.570.000
Lợi nhuận sau thuế	-	-	-	275.527.729.947	275.527.729.947
Phân phối lợi nhuận	-	-	-	(21.236.554.300)	(21.236.554.300)
Trích lập quỹ	-	10.618.277.150	10.618.277.150	-	21.236.554.300
Số cuối năm	1.000.373.030.000	10.618.277.150	10.618.277.150	168.862.805.617	1.190.472.389.917



17.3 Cổ phiếu

	<i>Số cuối năm</i>	<i>Số đầu năm</i>
Số lượng cổ phiếu được phép phát hành	100.037.303	11.053.846
Số lượng cổ phiếu đã phát hành	100.037.303	11.053.846
Số lượng cổ phiếu đã phát hành và được góp vốn đầy đủ	100.037.303	11.053.846
- Cổ phiếu phổ thông	100.037.303	11.053.846
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu quỹ	-	-
Cổ phiếu do công ty nắm giữ	-	-
- Cổ phiếu phổ thông	-	-
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	100.037.303	11.053.846
- Cổ phiếu phổ thông	100.037.303	11.053.846
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-

18. THUYẾT MINH VỀ CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH
18.1 Các tài sản tài chính niêm yết/ đăng ký giao dịch của Công ty chứng khoán

	<i>Số cuối năm</i>	<i>Số đầu năm</i>
- Cổ phiếu niêm yết - SCG	17.475.060.000	-
Cộng	17.475.060.000	-

18.2 Tài sản tài chính chưa lưu ký tại VSD của Công ty Chứng khoán

	<i>Số cuối năm</i>	<i>Số đầu năm</i>
- Trái phiếu doanh nghiệp	330.000.000.000	-
- Chứng chỉ tiền gửi	500.000.000.000	-
- Hợp đồng tiền gửi có kỳ hạn	115.000.000.000	-
Cộng	945.000.000.000	-

18.3 Các tài sản tài chính niêm yết/ đăng ký giao dịch của nhà đầu tư

	<i>Số cuối năm</i>	<i>Số đầu năm</i>
- Tài sản tài chính giao dịch tự do chuyển nhượng	264.192.680.000	7.038.780.000
- Tài sản tài chính giao dịch hạn chế chuyển nhượng	17.046.830.000	-
- Tài sản tài chính giao dịch cầm cố	585.000.000.000	-
- Tài sản tài chính phong tỏa, tạm giữ	350.144.000.000	-
- Tài sản Tài chính chờ thanh toán	1.410.000.000	30.000.000
- Tài sản tài chính chờ cho vay	-	-
Cộng	1.217.793.510.000	7.068.780.000

18.4 Tài sản tài chính đã lưu ký tại vsd và chưa giao dịch của nhà đầu tư

	<i>Số cuối năm</i>	<i>Số đầu năm</i>
- Tài sản tài chính đã lưu ký tại VSD và chưa giao dịch, tự do chuyển nhượng	110.000	460.000
Cộng	110.000	460.000



18.5 Tài sản tài chính chờ về của nhà đầu tư

	<i>Số cuối năm</i>	<i>Số đầu năm</i>
- Cổ phiếu trên sàn HNX	2.020.000	-
- Cổ phiếu trên sàn HOSE	46.420.000	10.500.000
- Cổ phiếu trên sàn UPCOM	6.054.630.000	-
Cộng	6.103.070.000	10.500.000

18.6 Tiền gửi của nhà đầu tư

	<i>Số cuối năm</i>	<i>Số đầu năm</i>
<i>Tiền gửi của nhà đầu tư về giao dịch chứng khoán theo phương thức công ty chứng khoán quản lý</i>	<i>377.152.969.205</i>	<i>2.018.102.125</i>
- Tiền gửi của nhà đầu tư trong nước về giao dịch chứng khoán theo phương thức công ty chứng khoán quản lý	375.740.420.002	422.492.082
- Tiền gửi của nhà đầu tư nước ngoài về giao dịch chứng khoán theo phương thức công ty chứng khoán quản lý	1.412.549.203	1.595.610.043
<i>Tiền gửi tổng hợp giao dịch chứng khoán cho khách hàng</i>	<i>9.579.349.562</i>	<i>21.986.000</i>
<i>Tiền gửi bù trừ và thanh toán giao dịch chứng khoán của nhà đầu tư</i>	<i>-</i>	<i>-</i>
Cộng	386.732.318.767	2.040.088.125

18.7 Tiền gửi của tổ chức phát hành chứng khoán

	<i>Số cuối năm</i>	<i>Số đầu năm</i>
Tiền gửi của tổ chức phát hành chứng khoán	46.686.078	-
Cộng	46.686.078	-

18.8 Phải trả nhà đầu tư của công ty chứng khoán

	<i>Số cuối năm</i>	<i>Số đầu năm</i>
- Phải trả Nhà đầu tư trong nước về tiền gửi giao dịch chứng khoán theo phương thức CTCK quản lý	385.318.662.975	444.478.082
- Phải trả Nhà đầu tư nước ngoài về tiền gửi giao dịch chứng khoán theo phương thức CTCK quản lý	1.413.655.792	1.595.610.043
Cộng	386.732.318.767	2.040.088.125

18.9 Phải trả Tổ chức phát hành chứng khoán

- Phải trả Tổ chức phát hành chứng khoán	46.686.078	-
Cộng	46.686.078	-

19. TÍNH HÌNH PHÂN PHỐI THU NHẬP CHO CỔ ĐỒNG HOẶC CÁC THÀNH VIÊN GÓP VỐN

Kế hoạch phân phối thu nhập cho cổ đông hoặc các thành viên góp vốn được thực hiện sau khi có quyết định của Đại hội đồng cổ đông dự kiến được tổ chức vào đầu năm 2022.



VI. THUYẾT MINH VỀ BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG RIÊNG
1. THU NHẬP

	<i>Năm nay</i>	<i>Năm trước</i>
1.1. Lãi từ bán các tài sản tài chính	16.709.788.529	-
- Trái phiếu chưa niêm yết	16.709.706.337	-
- Công cụ thị trường tiền tệ- Giấy tờ có giá	82.192	-
1.2. Chênh lệch đánh giá lại các tài sản tài chính	48.405.916.200	-
- Loại FVTPL - Cổ phiếu niêm yết	48.405.916.200	-
1.3. Cổ tức và tiền lãi phát sinh từ các tài sản tài chính FVTPL, HTM, AFS	21.015.582.849	-
- Từ tài sản tài chính FVTPL	21.015.582.849	-
1.4. Doanh thu ngoài thu nhập các tài sản tài chính	518.846.568.019	8.406.190.276
- Lãi từ các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn (HTM)	3.975.164.382	-
- Lãi từ các khoản cho vay và phải thu	37.673.307	2.085.998
- Doanh thu hoạt động môi giới chứng khoán	220.381.419.621	380.126.753
- Doanh thu bảo lãnh, đại lý phát hành chứng khoán	19.900.000.000	-
- Doanh thu hoạt động lưu ký chứng khoán	214.147.109.293	1.587.038
- Doanh thu hoạt động tư vấn tài chính	-	8.000.000.000
- Thu nhập hoạt động khác	60.405.201.416	22.390.487
Cộng	604.977.855.597	8.406.190.276

2. DOANH THU TÀI CHÍNH

	<i>Năm nay</i>	<i>Năm trước</i>
- Doanh thu lãi tiền gửi	328.501.114	3.697.369
- Doanh thu hoạt động tài chính khác	509.000	-
Cộng	329.010.114	3.697.369

3. CHI PHÍ HOẠT ĐỘNG, CUNG CẤP DỊCH VỤ

	<i>Năm nay</i>	<i>Năm trước</i>
- Lãi bán các tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi lỗ (FVTPL)	619.788.662	-
- Chi phí nghiệp vụ môi giới chứng khoán	187.225.944.575	651.319.145
- Chi phí nghiệp vụ lưu ký chứng khoán	1.126.249.147	-
- Chi phí dịch vụ khác	355.463.681	1.272.364
Cộng	189.396.259.365	652.591.509

4. CHI PHÍ TÀI CHÍNH

	<i>Năm nay</i>	<i>Năm trước</i>
- Chi phí lãi vay	9.053.978	-
- Chi phí khác	9.682.192	-
Cộng	18.736.170	-



5. CHI PHÍ QUẢN LÝ CÔNG TY CHỨNG KHOÁN

	<i>Năm nay</i>	<i>Năm trước</i>
- Chi phí nhân viên quản lý	61.396.055.276	3.623.468.269
- Chi phí văn phòng phẩm	553.055.158	6.323.300
- Chi phí công cụ, dụng cụ	1.874.816.834	116.640.945
- Chi phí khấu hao TSCĐ	1.259.178.589	999.104.460
- Chi phí thuê, phí và lệ phí	613.354.259	3.582.000
- Chi phí dịch vụ mua ngoài	7.336.084.553	2.980.570.972
- Chi phí khác bằng tiền	5.153.889.252	1.683.118.800
Cộng	78.186.433.921	9.412.808.746

6. THU NHẬP KHÁC

	<i>Năm nay</i>	<i>Năm trước</i>
- Thu từ thanh lý máy tính	-	3.181.818
- Thu nhập từ truy thu hoa hồng các hợp đồng TP thanh lý trước hạn	925.307.696	-
- Thu từ đóng góp của nhân viên ứng với phần hao mòn của máy tính bằng	153.888.800	-
- Thu nhập khác	10.367.756	-
Cộng	1.089.564.252	3.181.818

7. CHI PHÍ KHÁC

	<i>Năm nay</i>	<i>Năm trước</i>
- Chi phí bồi thường đối với các hợp đồng TP thanh lý trước hạn	486.578.223	-
- Chi phí khác	370.472	40.902.722
Cộng	486.948.695	40.902.722

8. CHI PHÍ THUẾ TNDN HIỆN HÀNH

	<i>Năm nay</i>	<i>Năm trước</i>
8.1 Chi phí thuế thu nhập CTCK hiện hành		
- Chi phí thuế thu nhập CTCK tính trên thu nhập chịu thuế năm hiện hành	53.099.138.625	-
Tổng Chi phí thuế thu nhập CTCK hiện hành	53.099.138.625	-
8.2 Chi phí thuế thu nhập CTCK hoãn lại		
Chi phí thuế thu nhập CTCK hoãn lại phát sinh từ các khoản chênh lệch tạm thời phải chịu thuế	9.681.183.240	-
Tổng Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	9.681.183.240	-
Cộng	62.780.321.865	-



9. LŨY KẾ BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG RIÊNG

Chỉ tiêu	Số đầu năm	Phát sinh trong năm	Thay đổi từ vốn chủ sở hữu và ghi nhận vào kết quả kinh doanh	Số cuối năm
Lợi nhuận đã thực hiện	(85.428.370.030)	215.566.442.687	-	130.138.072.657
Lợi nhuận chưa thực hiện	-	38.724.732.960	-	38.724.732.960
Cộng	(85.428.370.030)	254.291.175.647	-	168.862.805.617

10. LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU

	Năm nay	Năm trước
Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp	275.527.729.947	(1.693.233.514)
Các khoản điều chỉnh tăng hoặc giảm	-	-
Lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông (*)	275.527.729.947	(1.693.233.514)
- Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong năm	64.931.501	11.053.846
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	4.243	(153)

Ghi chú:

(*) Khoản lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông chưa được tính trừ phần trích lập quỹ khen thưởng phúc lợi theo quy định hiện hành.

11. THU NHẬP PHA LOÃNG TRÊN CỔ PHIẾU

	Năm nay	Năm trước
Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp	275.527.729.947	(1.693.233.514)
Các khoản điều chỉnh tăng hoặc giảm	-	-
Lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông (*)	275.527.729.947	(1.693.233.514)
- Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong kỳ	64.931.501	11.053.846
Thu nhập pha loãng trên cổ phiếu	4.243	(153)

Ghi chú:

(*) Khoản lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông chưa được tính trừ phần trích lập quỹ khen thưởng phúc lợi theo quy định hiện hành.

VII. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÊN BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ RIÊNG

Công ty không có các giao dịch không bằng tiền ảnh hưởng đến báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng và các khoản tiền đo doanh nghiệp năm giữ nhưng không được sử dụng.



VIII. THÔNG TIN KHÁC
1. NHỮNG SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NIÊN ĐỘ

Theo Giấy phép điều chỉnh số 05/GPĐC-UBCK ngày 13/01/2022 do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp, Công ty thay đổi trụ sở tại thành phố Hà Nội và đăng ký địa chỉ tầng 1 và tầng 6, Tòa nhà Sunshine Center, 16 Phạm Hùng, Phường Mỹ Đình 2, Quận Nam Từ Liêm, Thành Phố Hà Nội.

Theo Giấy phép điều chỉnh số 13/GPĐC-UBCK ngày 28/01/2022 do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp, Công ty thay đổi người đại diện theo pháp luật là Ông Nguyễn Nam Hưng, chức danh là Chủ tịch hội đồng quản trị kiêm Giám đốc điều hành.

Theo Quyết định số 43/QĐ-UNCK ngày 19/01/2022 của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước, Công ty thành lập 03 văn phòng đại diện là: Công ty Cổ phần Chứng khoán KS - Văn phòng đại diện Phú Thọ, Công ty Cổ phần Chứng khoán KS - Văn phòng đại diện Thái Nguyên và Công ty Cổ phần Chứng khoán KS - Văn phòng đại diện Vĩnh Phúc.

2. THÔNG TIN VỀ CÁC BÊN LIÊN QUAN
a. Các bên liên quan

Bên liên quan	Mối quan hệ với Công ty	Thời điểm trở thành bên liên quan
Thành viên Hội đồng Quản trị, Ban Tổng Giám đốc	Ban Quản trị Công ty	
Bà Trần Thị Thu Hằng	Có đóng sở hữu trên 10%	24/02/2021
Công ty Cổ phần Tập đoàn Sunshine International Property Technology	Bà Nguyễn Thị Hồng Hạnh là Chủ tịch HĐQT của bên liên quan	24/02/2021
Công ty Cổ phần Phát triển Sunshine Homes (tên cũ là Công ty Cổ phần Xây dựng Sunshine Việt Nam)	Bà Nguyễn Thị Hồng Hạnh là Thành viên HĐQT của bên liên quan	24/02/2021
Công ty Cổ phần KS Group	Bà Nguyễn Thị Hồng Hạnh từng là Thành viên HĐQT của bên liên quan (miễn nhiệm trong năm 2021)	24/02/2021
Ngân hàng TMCP Kiên Long	Bà Trần Thị Thu Hằng là Chủ tịch HĐQT của bên liên quan	24/02/2021
Công ty Cổ phần Tập đoàn KS Finance	Công ty mẹ/ Có đóng sở hữu trên 10% vốn cổ phần của Công ty.	22/11/2021
Công ty Cổ phần Tập đoàn Công nghệ Unicloud	Chủ tịch HĐQT của bên liên quan đồng thời là Chủ tịch HĐQT của Công ty mẹ	22/11/2021
Công ty TNHH Dynamic Innovation	Cùng là Công ty con của Công ty Cổ phần Tập đoàn KS Finance	22/11/2021



2. THÔNG TIN VỀ CÁC BÊN LIÊN QUAN (Tiếp theo)
b. Các giao dịch trọng yếu với các bên có liên quan

Tên bên liên quan	Giao dịch	Số tiền
Hội đồng quản trị, Ban Tổng Giám đốc	Lương, thưởng, phụ cấp khác	14.031.133.108
Ông Trần Tổng Sáng (Thành viên HĐQT đã miễn nhiệm)	Cho Công ty vay và nhận trả tiền vay	1.625.000.000
Công ty Cổ phần Tập Đoàn Sunshine International Property Technology	Mua tài sản tài chính	136.213.520.000
	Thu - nộp bộ thuế TNCN từ chuyển nhượng trái phiếu	102.518.343
	Doanh thu phí môi giới	214.435.264.414
	Mua tài sản tài chính	1.103.305.718.810
Công ty Cổ phần KS Group	Bán tài sản tài chính	6.357.714.308.724
	Chi phí phạt do khách hàng thanh lý hợp đồng trái phiếu trước hạn	486.578.230
	Thu - nộp bộ thuế TNCN từ chuyển nhượng trái phiếu	1.229.326.568

c. Số dư với các bên liên quan tại ngày 31/12/2021

Tên bên liên quan	Khoản mục	Số tiền
Hội đồng quản trị, Ban Tổng Giám đốc	Phải trả lương, thưởng, phụ cấp khác	4.685.046.895
Công ty Cổ phần Tập Đoàn Sunshine International Property Technology	Phải thu thuế TNCN giữ lại từ giao dịch chuyển nhượng trái phiếu	5.263.269
	Phải thu phí môi giới trái phiếu	26.784.882.715
Công ty Cổ phần KS Group	Phải thu thuế TNCN giữ lại từ giao dịch chuyển nhượng trái phiếu	662.071.345

3. TRÌNH BÀY TÀI SẢN, DOANH THU, KẾT QUẢ KINH DOANH THEO BỘ PHẬN

Trong năm, Công ty chỉ có trụ sở chính ở địa bàn thành phố Hồ Chí Minh và không có chi nhánh nào khác. Vì vậy, công ty không trình bày thuyết minh báo cáo bộ phận.

4. THÔNG TIN SO SÁNH

Thông tin so sánh là số liệu trên báo cáo tài chính riêng cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31/12/2021 và báo cáo tài chính riêng cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31/12/2020 đã được Công ty TNHH Dịch vụ Tư vấn Tài chính Kế toán và Kiểm toán Phía Nam kiểm toán. Trong đó, ý kiến của kiểm toán viên độc lập đối với các báo cáo tình hình tài chính riêng này là ý kiến chấp nhận toàn phần.

5. THÔNG TIN VỀ HOẠT ĐỘNG LIÊN TỤC

Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc cam kết rằng Công ty đang trong quá trình đầu tư xây dựng và tái cấu trúc, từng bước thực hiện những phương án để đưa Công ty hoạt động ổn định và phát triển trong thị trường chứng khoán, không có bất kỳ lý do nào có thể ảnh hưởng đến khả năng hoạt động liên tục của Công ty trong tương lai.



**CHỦ TỊCH HĐQT
NGUYỄN NAM HƯNG**



